

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong quá trình phát triển kinh tế dù ở bất kỳ quốc gia nào, doanh nghiệp là đơn vị sản xuất cơ sở, là một tế bào của nền kinh tế, là nơi trực tiếp phối hợp các yếu tố sản xuất hợp lý để tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ một cách hiệu quả nhất. Sự phát triển của doanh nghiệp là tiền đề tạo nên sự phát triển của xã hội. Chúng ta không thể không thừa nhận rằng các doanh nghiệp có đóng góp không nhỏ trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội, vào các công trình phúc lợi xã hội và góp phần giải quyết việc làm. Nhưng trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, một doanh nghiệp muốn tồn tại, phát triển và đạt được lợi nhuận kỳ vọng là điều không dễ dàng. Bởi vậy, các doanh nghiệp phải luôn luôn quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, chú trọng đến các chi phí bỏ ra, doanh số thu được và kết quả kinh doanh. Do đó, hạch toán kế toán nói chung và hạch toán kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp. Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đặt ra cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Sau khi đi sâu và tìm hiểu thực tế về công tác kế toán này tại Công ty Nạo vét đường biển I, em đã chọn nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét đường biển I”**.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khoá luận gồm 3 chương sau:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương II: Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét đường biển I.

Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét đường biển I.

Kết hợp kiến thức thu thập được trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường, cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng tài chính- kế toán tại Công ty Nạo vét đường biển I. Đặc biệt với sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo hướng dẫn đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Mặc dù em đã rất cố gắng nhưng do thời gian thực tập ngắn, khả năng nghiên cứu còn hạn chế nên những vấn đề em tìm hiểu được và trình bày trong bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của phòng kế toán công ty và các thầy, cô giáo để em có điều kiện bổ sung nâng cao kiến thức của mình, phục vụ tốt hơn cho công tác kế toán sau này.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

*Sinh viên*

*Nguyễn Thị Thu Thủy*

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

##### 1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trước đây, trong cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp hầu như được Nhà nước “lo” cho toàn bộ. Nếu kinh doanh có lãi thì doanh nghiệp được hưởng còn thua lỗ thì Nhà nước chịu. Vì vậy, công tác này thường bị các doanh nghiệp xem nhẹ. Khi chuyển sang cơ chế thị trường, các doanh nghiệp phải tự chủ trong sản xuất kinh doanh, không còn sự bao cấp của Nhà nước thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trở nên vô cùng quan trọng. Các doanh nghiệp phải tổ chức tốt được công tác này mới có thể đưa ra được các biện pháp để tăng doanh thu, giảm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận.

- **Doanh thu:** Là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Chi phí:** Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- **Kết quả kinh doanh:** Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

### **1.1.2. Các loại hoạt động kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp được chia thành ba hoạt động cơ bản sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.
- Hoạt động tài chính: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.
- Hoạt động khác: Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình mà một doanh nghiệp cũng có thể chỉ có một hoặc hai trong ba hoạt động kinh doanh nói trên.

#### ***Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:***

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (bao gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ giá trị sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp được xác định theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.1. Cách xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Các khoản giảm trừ doanh thu	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính
	Chi Phí bán hàng, CP quản lý doanh nghiệp và CP tài chính	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	Thu nhập khác
		Tổng LN trước thuế	Chi phí khác
	LN sau thuế	CP Thuế TNDN	

**1.2. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với mỗi doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với các nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

### **1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp chủ yếu thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và tình hình biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo tiêu chuẩn số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

#### **1.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

##### **1.4.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.**

###### **1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Các khoản giảm trừ doanh thu:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai qui cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Trị giá hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

###### ***Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:***

Để xác định và ghi nhận doanh thu mỗi doanh nghiệp cần phải tuân theo những quy định trong chuẩn mực số 14: “ Doanh thu và thu nhập khác”.

- Ghi nhận doanh thu và các chi phí phải theo một nguyên tắc phù hợp, khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:
  - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
  - + Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Khi hàng hoá dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.
- Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu : Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng thứ doanh thu, như doanh thu bán hàng có thể được chi tiết thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá,... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Nếu trong kỳ phát sinh những khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, hàng bán bị trả lại thì được hạch toán riêng biệt các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu và ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Về nguyên tắc cuối kỳ kế toán doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán được kết



chuyển vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh. Các tài khoản thuộc loại tài khoản doanh thu không có số dư cuối kỳ.

***Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu tiền.

Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo qui định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên TK5114- Doanh thu trợ cấp trợ giá.

### ***Các phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

- Bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho của các doanh nghiệp). Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ, trong đó:

+ Bán buôn: Là các quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ. Bán hàng theo phương thức này gồm hai loại bán buôn và bán lẻ, song phương thức giao hàng không tại kho hoặc đơn vị sản xuất mà giao tại bên mua hoặc tại các cửa hàng tiêu thụ.

- Bán hàng qua đại lý: Về bản chất, bán hàng theo phương thức này là bán theo phương thức chuyển hàng. Song, trong trường hợp này, bên giao phải trả cho bên đại lý một khoản tiền gọi là tiền hoa hồng đại lý.

- Bán hàng theo phương thức trả góp: Thực chất của phương thức bán hàng này là bán hàng trực tiếp kết hợp với nghiệp vụ cho khách hàng vay vốn. Vì vậy, tiền thu được từ quá trình bán hàng phải chia làm hai phần: Phần doanh thu bán hàng (tính theo giá bán tính tiền một lần) và doanh thu từ hoạt động tài chính (phần lãi cho khách hàng trả góp).

- Bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng: Nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

- Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ: Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

### 1.4.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### ***Phương pháp tính giá vốn hàng bán:***

Để tính trị giá thực tế hàng xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau đây:

#### **- Phương pháp bình quân gia quyền:**

Khi tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền ta có thể áp dụng một trong hai cách tính sau:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này khá đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Trị giá hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn

nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

**- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

**- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):**

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

Như vậy với phương pháp này, chi phí của lần mua gần nhất sẽ tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán. Tuy nhiên, trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

**- Phương pháp thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó. Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

### **1.4.1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Để hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên kế toán sử dụng các loại chứng từ, tài khoản, sổ sách cũng như cách thức hạch toán như sau:

#### ***Chứng từ sử dụng:***

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Giấy báo có của ngân hàng, sổ phụ ngân hàng

#### ***Tài khoản sử dụng:***

#### **TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### **- Bên Nợ:**

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.
- + Khoản giảm giá hàng bán
- + Trị giá hàng bán bị trả lại
- + Khoản chiết khấu thương mại
- + Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

##### **- Bên có:**

- + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

TK511 không có số dư cuối kỳ

TK511 có 4 TK cấp 2:

- + TK5111: Doanh thu bán hàng hoá
- + TK5112: Doanh thu bán thành phẩm
- + TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK5117: Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư

### **TK 521: Chiết khấu thương mại**

#### **- Bên Nợ:**

- + Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

#### **- Bên Có:**

- + Kết chuyển toàn bộ chiết khấu thương mại sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại, không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hoá
- + Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
- + Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ

### **TK 531: Hàng bán bị trả lại**

#### **- Bên Nợ:**

- + Giá trị của hàng bán bị trả lại.

#### **- Bên Có:**

- + Kết chuyển toàn bộ giá trị hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### **TK 532: Giảm giá hàng bán**

#### **- Bên Nợ:**

- + Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng

**- Bên Có:**

+ Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

**TK 632: Giá vốn hàng bán**

**- Bên Nợ:**

+ Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

+ Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

+ Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

+ Phản ánh các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư đem cho thuê, bán, thanh lý và giá trị còn lại của bất động sản đem bán, thanh lý.

**- Bên Có:**

+ Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

+ Giá vốn của hàng bán bị trả lại.

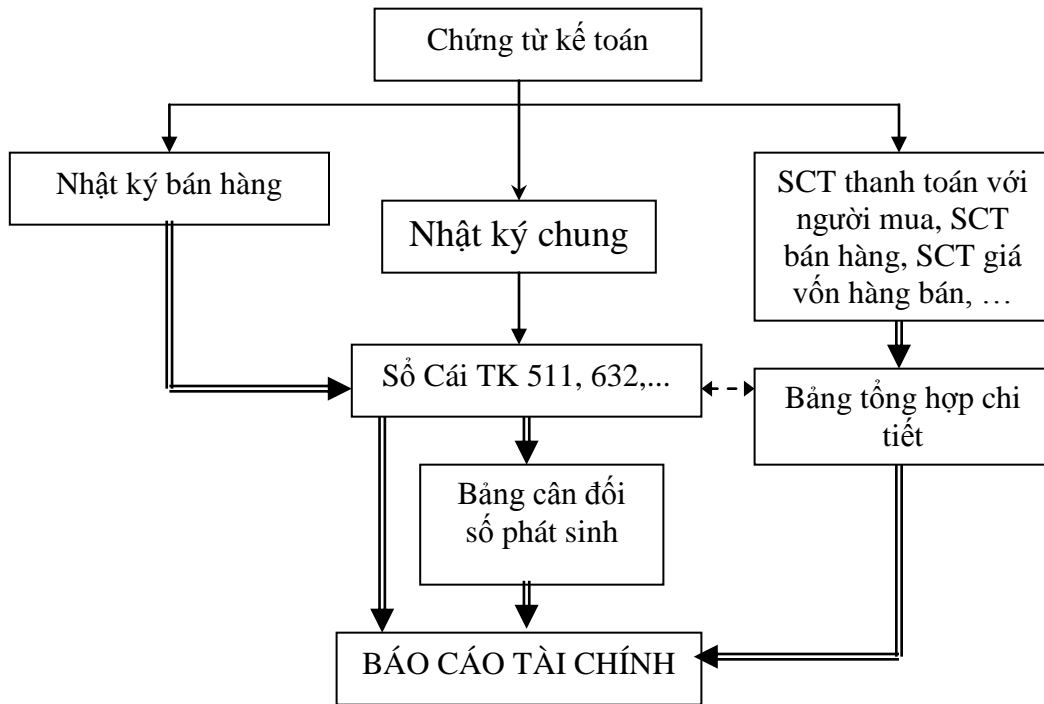
+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư.



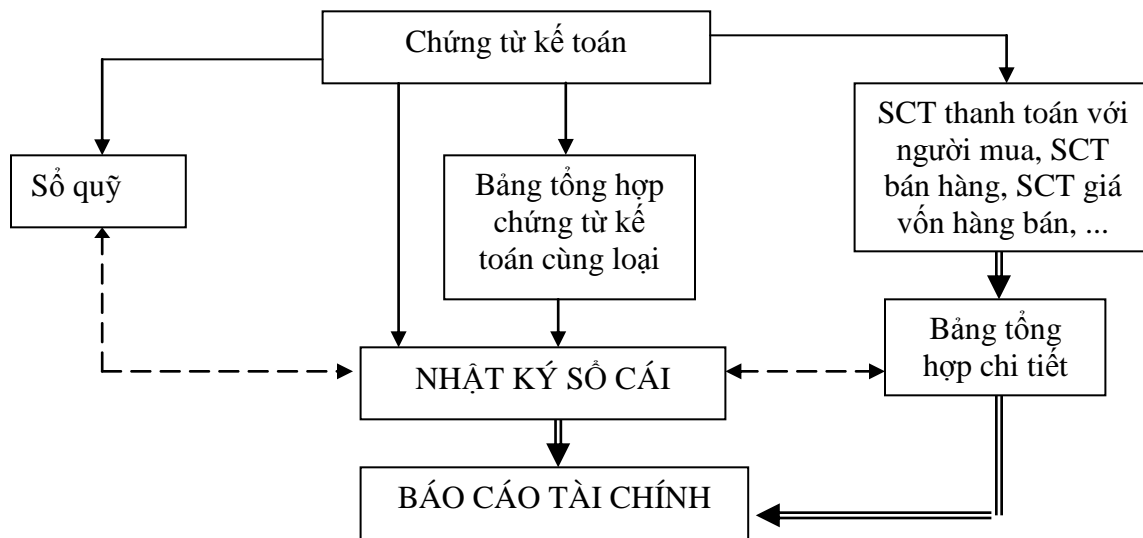
**\* Sổ sách sử dụng:**

**- Hình thức kế toán Nhật ký chung:**

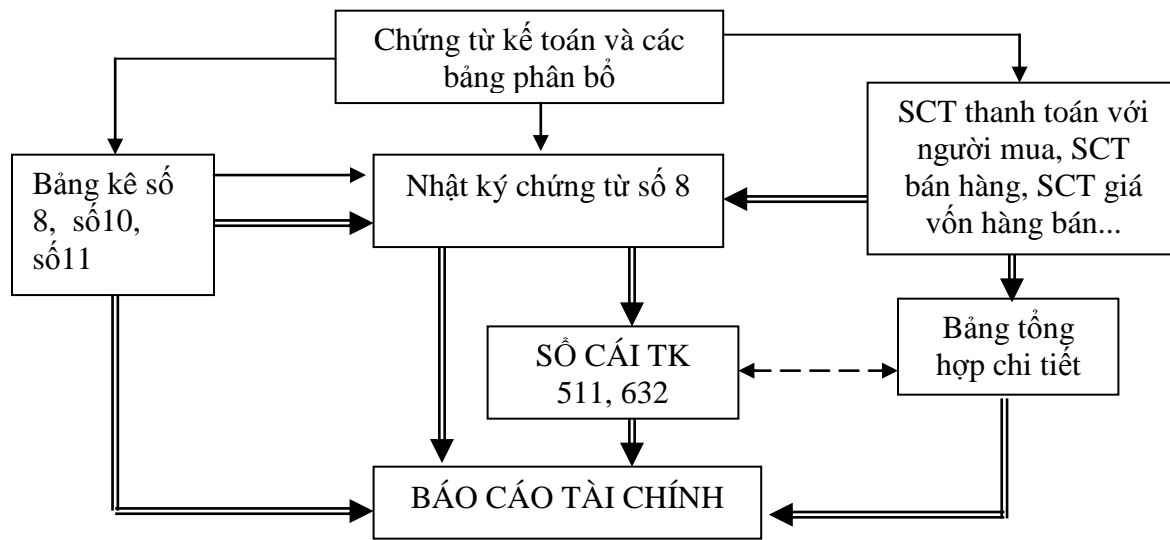


- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng
  - ⇔ Đối chiếu

**- Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái:**



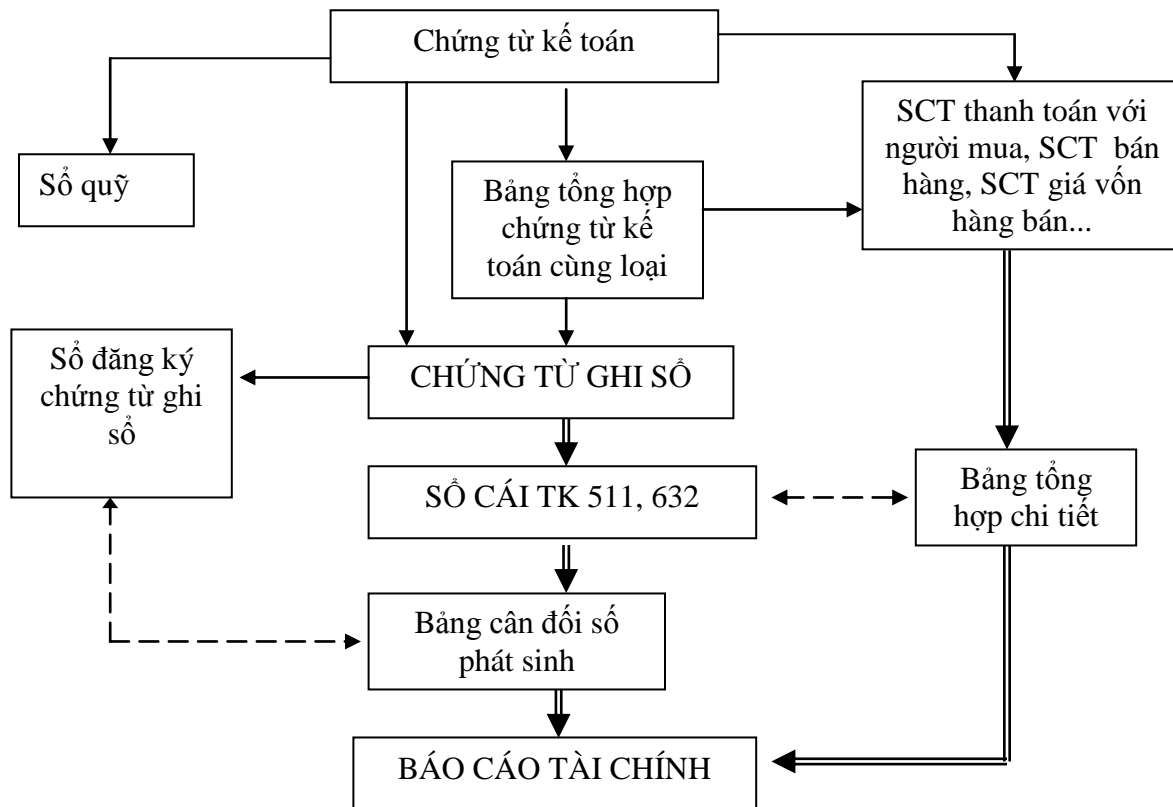
**- Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ:**



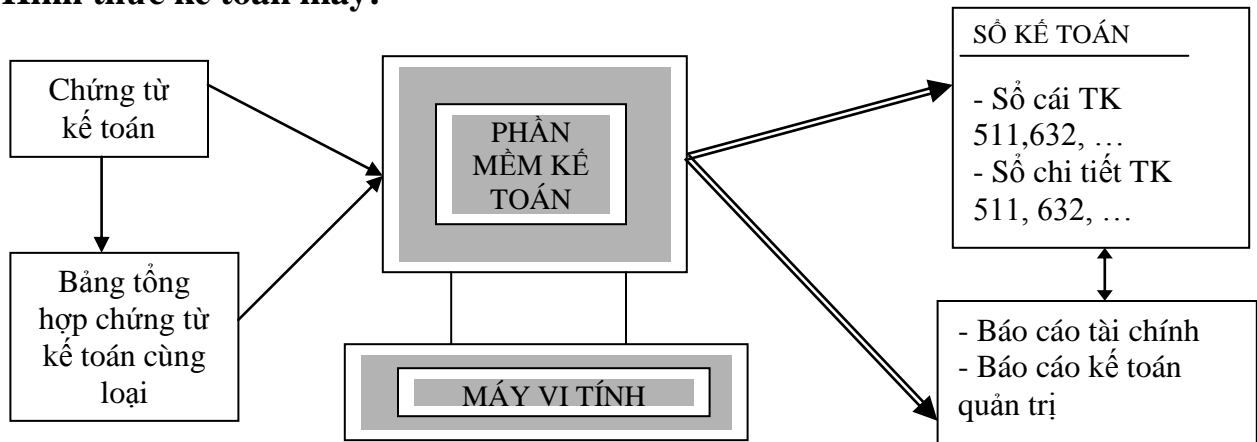
Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

**- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:**



**- Hình thức kế toán máy:**

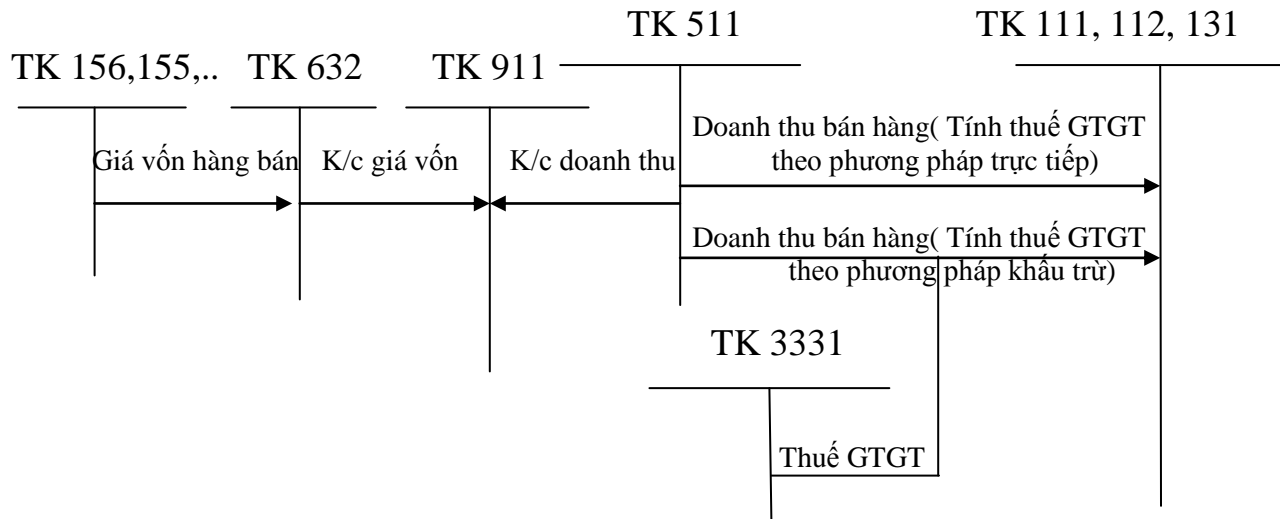


Ghi chú

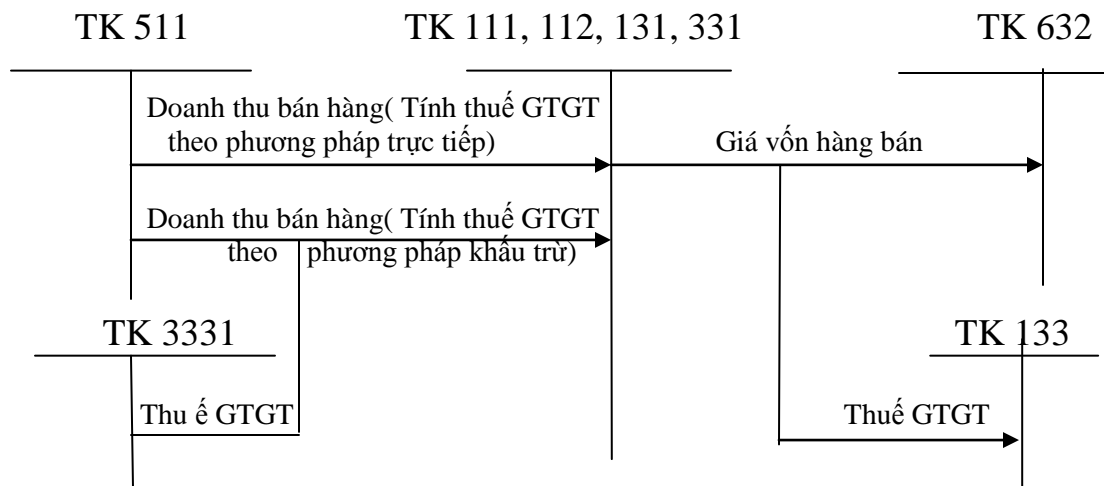
- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

**Sơ đồ hạch toán:**

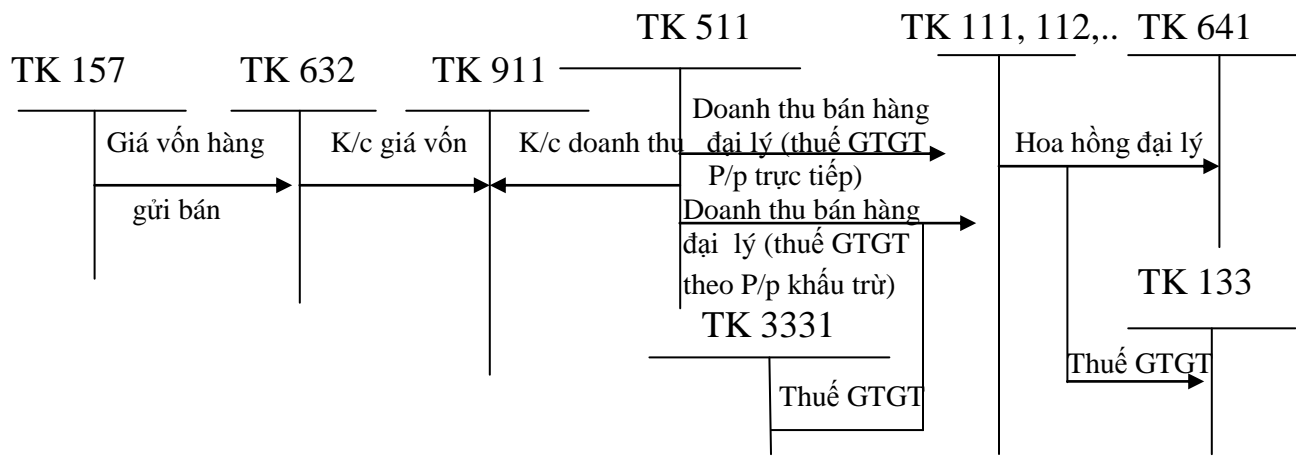
**Sơ đồ 1.2.** Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán theo phương thức trực tiếp:



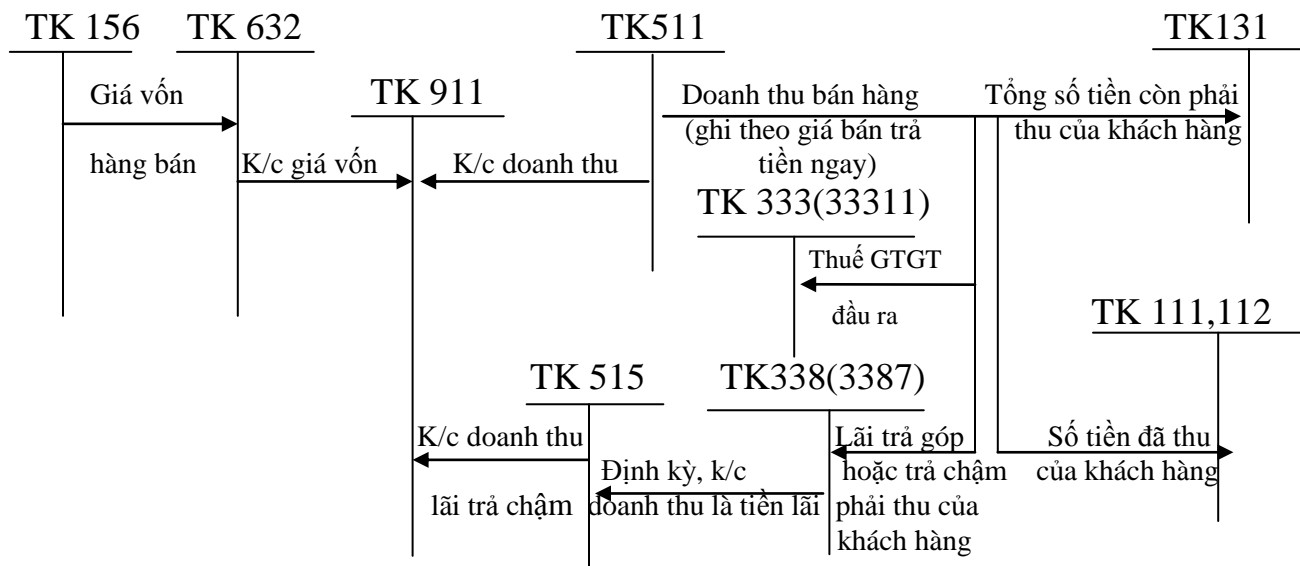
**Sơ đồ 1.3.** Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán theo phương thức bán buôn vận chuyển thẳng:



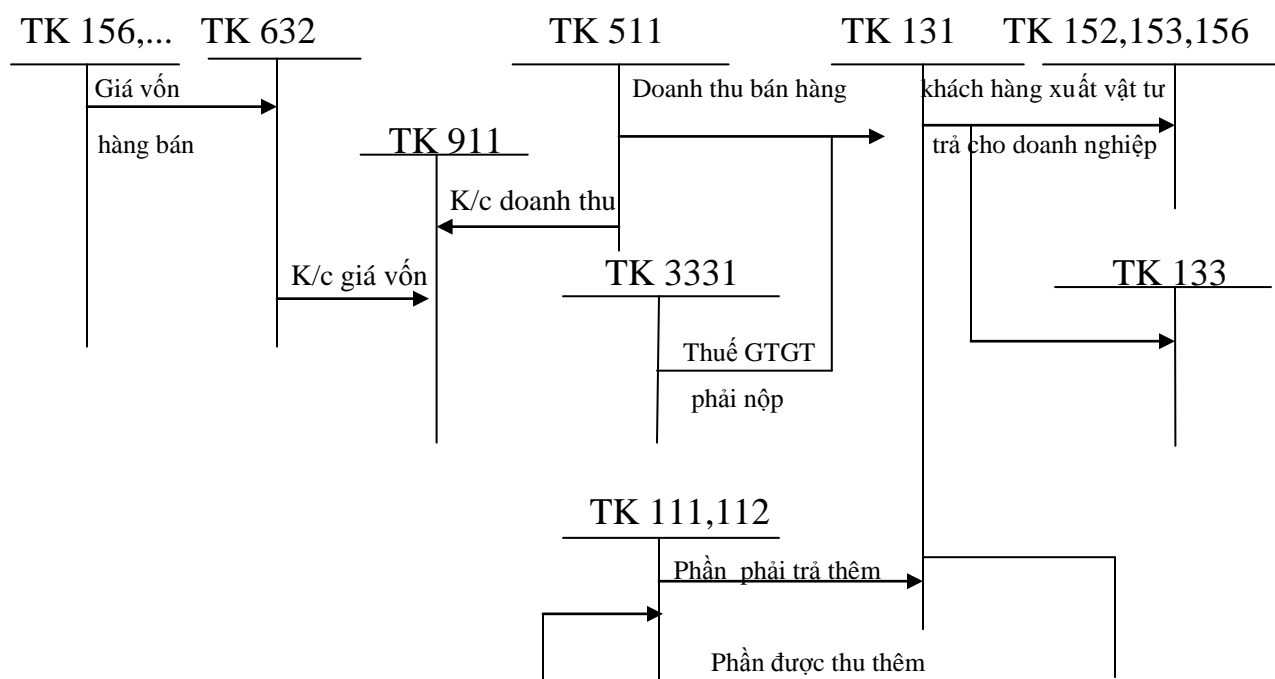
**Sơ đồ 1.4.** Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán thông qua đại lý ký gửi:



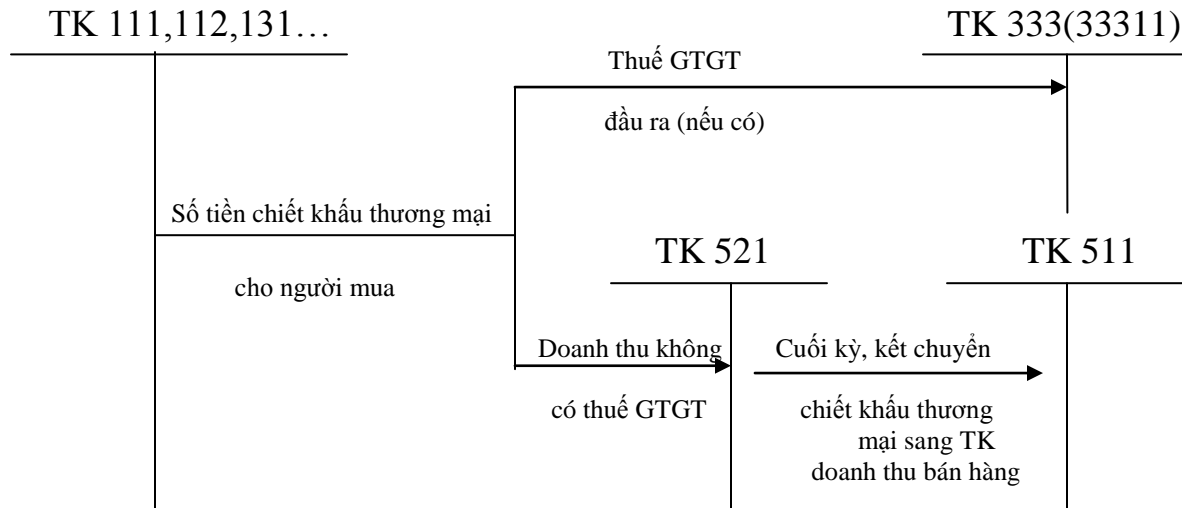
**Sơ đồ 1.5.** Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán theo phương thức trả chậm, trả góp:



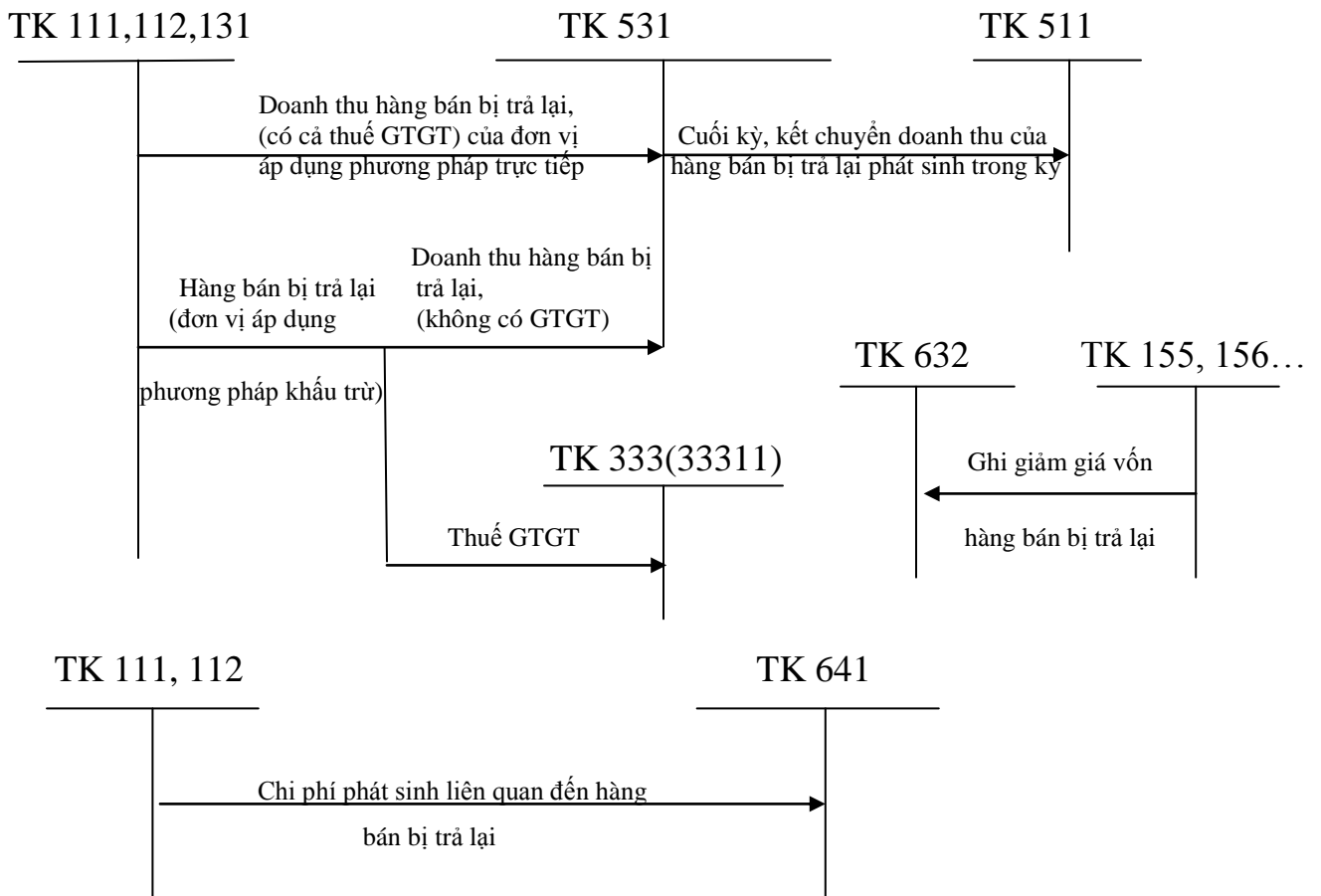
**Sơ đồ 1.6.** Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán theo phương thức trao đổi hàng:



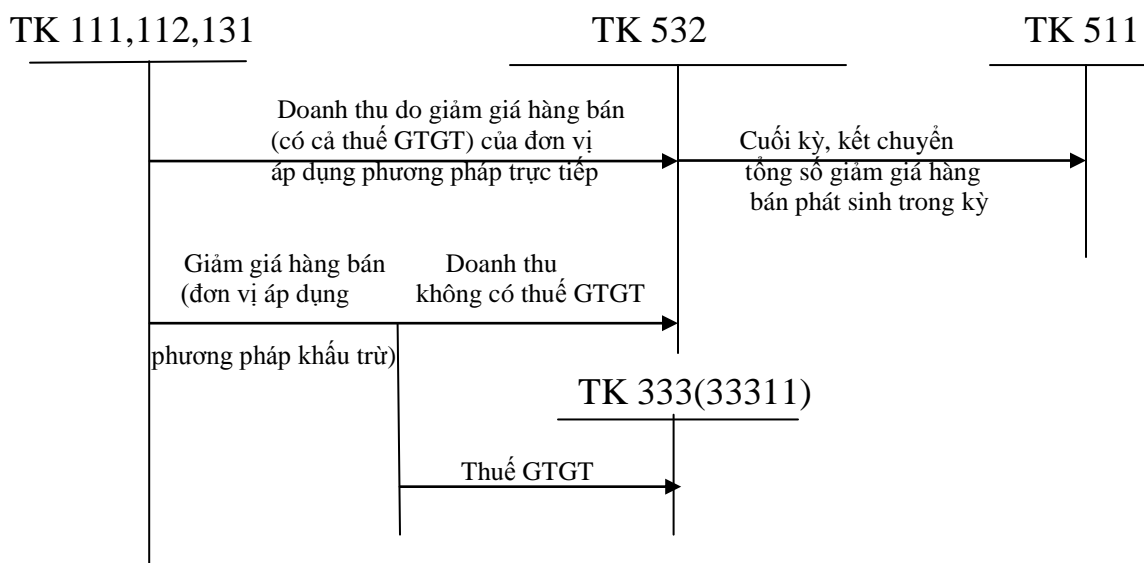
**Sơ đồ 1.7.** Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại:



**Sơ đồ 1.8.** Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại:



**Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán:**



**1.4.1.4 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì kế toán sử dụng các loại chứng từ, tài khoản, sổ sách cũng như cách thức hạch toán như sau:

***Chứng từ sử dụng:***

Giống như trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

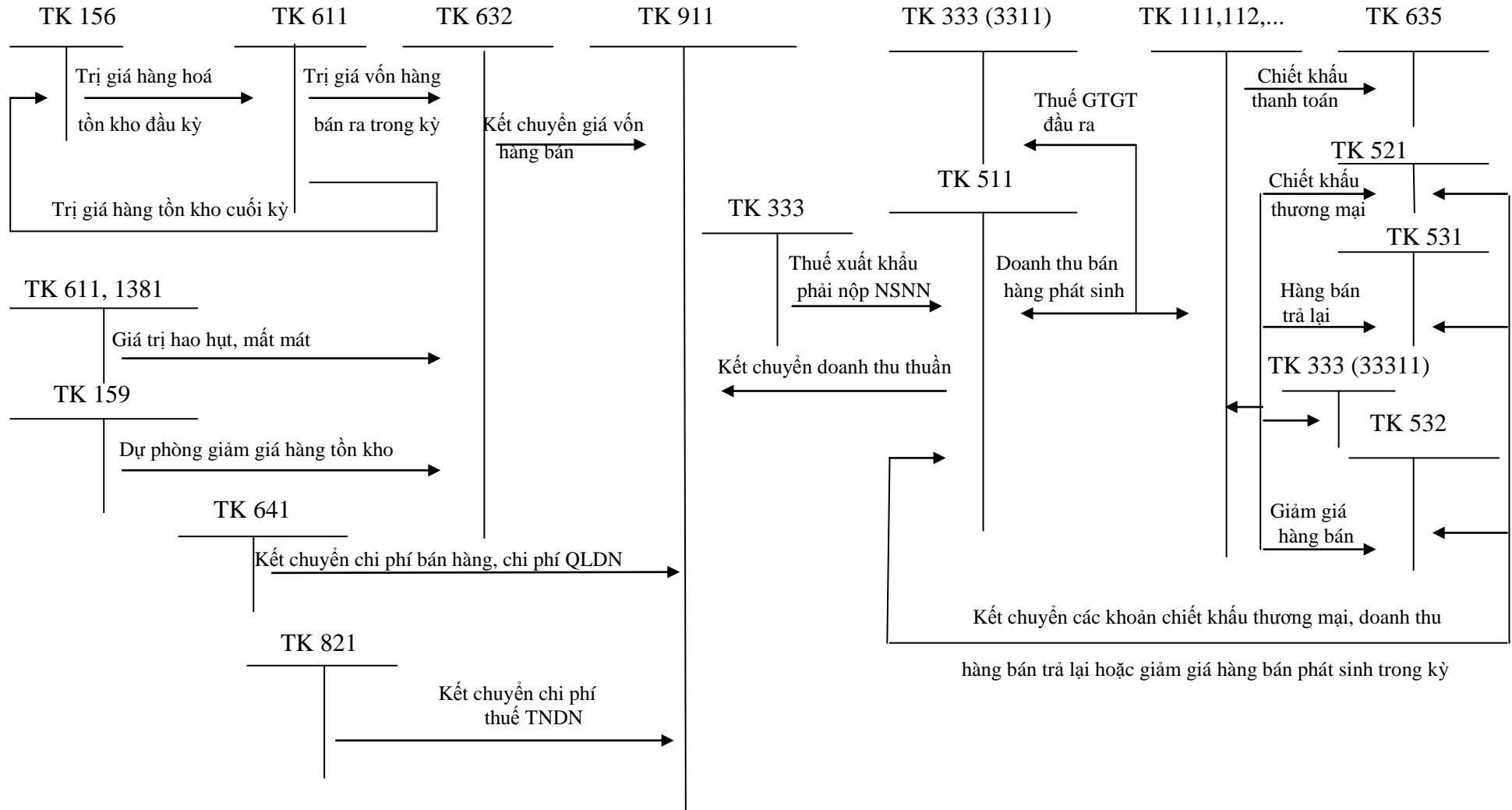
***Tài khoản sử dụng:***

Ngoài các tài khoản mà doanh nghiệp kê khai hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng thêm những tài khoản sau:

- TK 611: Mua hàng
- TK 631: Giá thành sản xuất

***Sổ sách sử dụng:*** Giống như trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh**  
 (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)





#### **1.4.1.5. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp.**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý trong doanh nghiệp là những chi phí cố định mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vậy trước tiên chúng ta cần tìm hiểu khái niệm về hai loại chi phí này:

- *Chi phí bán hàng*: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng... và các chi phí dịch vụ mua ngoài khác.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty. Bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định... và các chi phí bằng tiền khác.

**\* Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng:**

**Đối với chi phí bán hàng:**

**TK 641 - Chi phí bán hàng:**

**- Bên Nợ:**

+ Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

**- Bên Có:**

+ Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có)

+ Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 641 gồm 07 TK cấp 2:

+ TK 6411 – Chi phí nhân viên.

+ TK 6412 – Chi phí vật liệu bao bì

+ TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng

- + TK 6414 – Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6415 – Chi phí bảo hành
- + TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

**Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp:**

**Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**- Bên Nợ:**

- + Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

**- Bên Có:**

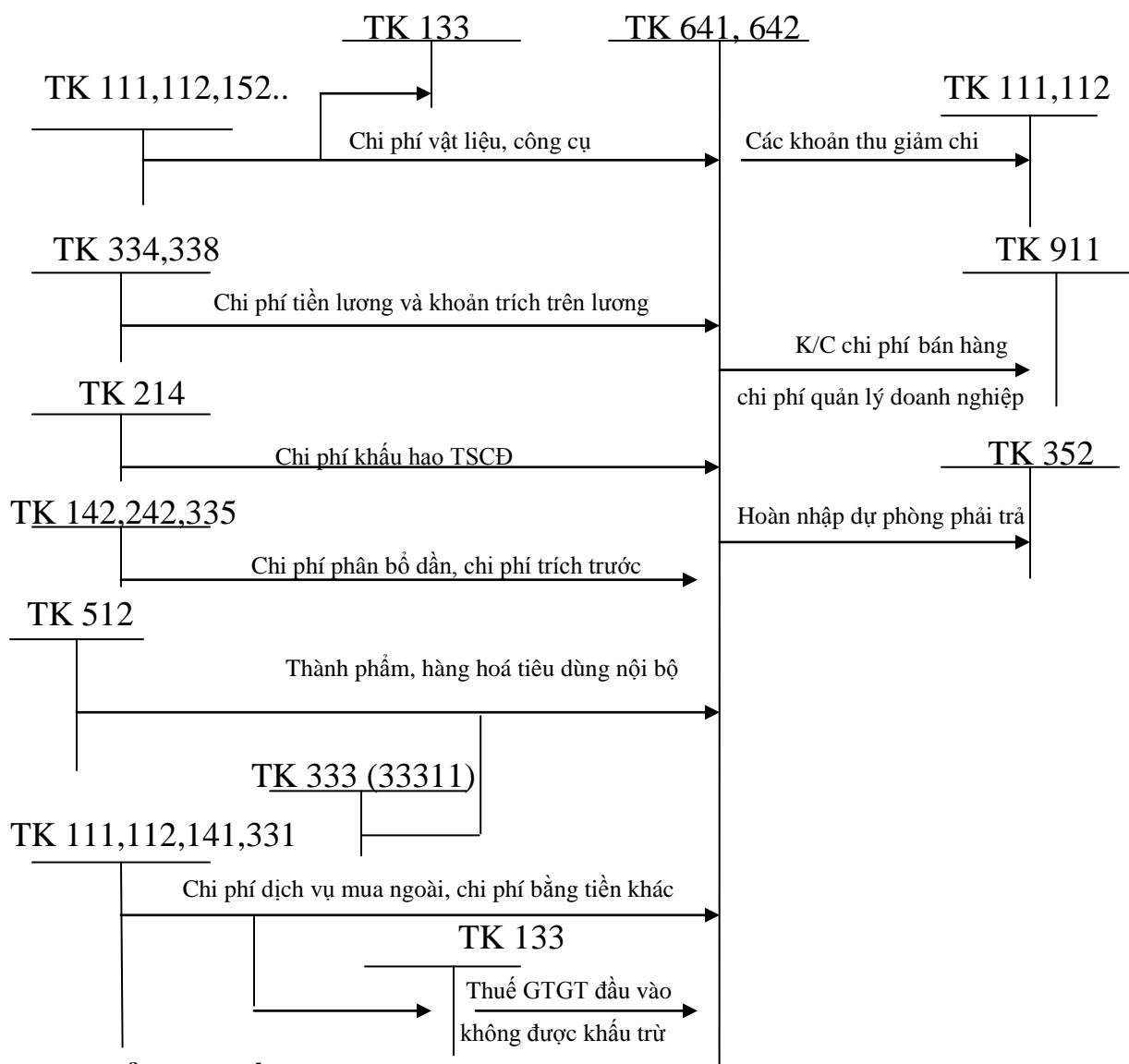
- + Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).
- + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 bao gồm 8 tài khoản cấp 2 sau:

- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

**Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:**



**1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.**

**1.4.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt

động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.....

***Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng:***

**TK 515: - Doanh thu hoạt động tài chính**

**- Bên Nợ:**

- + Số thuế TGTG phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

**- Bên Có:**

- + Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

**1.4.2.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán; chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn; chi phí hoạt động liên doanh; chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn;.....

***Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng:***

**TK 635: - Chi phí hoạt động tài chính**

**- Bên Nợ:**

- + Các khoản chi phí hoạt động tài chính;
- + Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn;
- + Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ;
- + Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ;
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

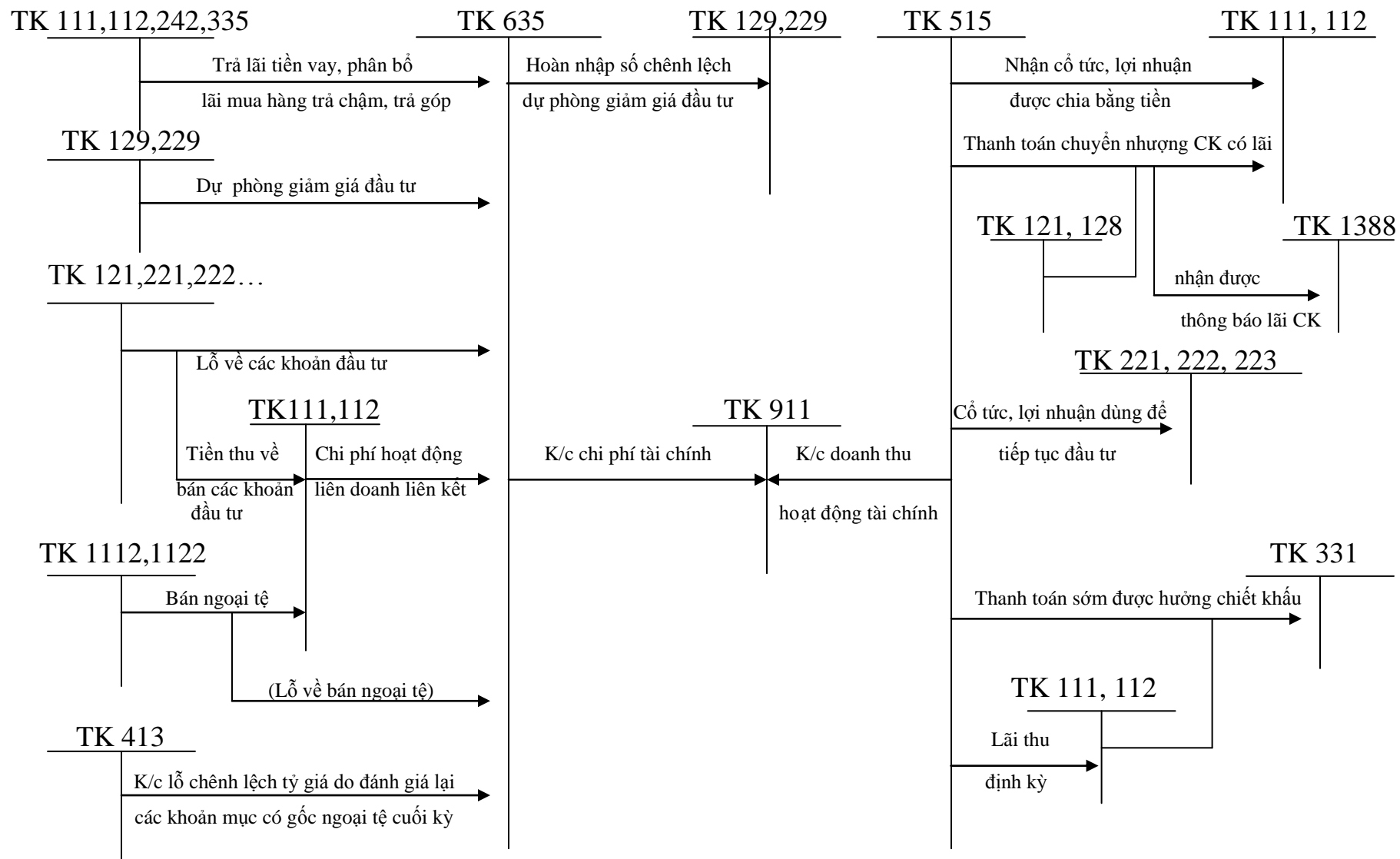
**- Bên Có:**

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 – Không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán doanh thu và chi phí tài chính:**



### **1.4.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.**

#### **1.4.3.1. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác**

Thu nhập hoạt động khác là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,...

**Tài khoản sử dụng: TK 711 - Thu nhập khác**

**- Bên Nợ:**

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

**- Bên Có:**

+ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711: Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.

#### **1.4.3.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí khác**

Chi phí hoạt động khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng... và các khoản chi phí khác bằng tiền.

**Tài khoản sử dụng: TK 811 - Chi phí khác**

**- Bên Nợ:**

+ Các khoản chi phí khác phát sinh

**- Bên Có:**

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Khoá luận tốt nghiệp

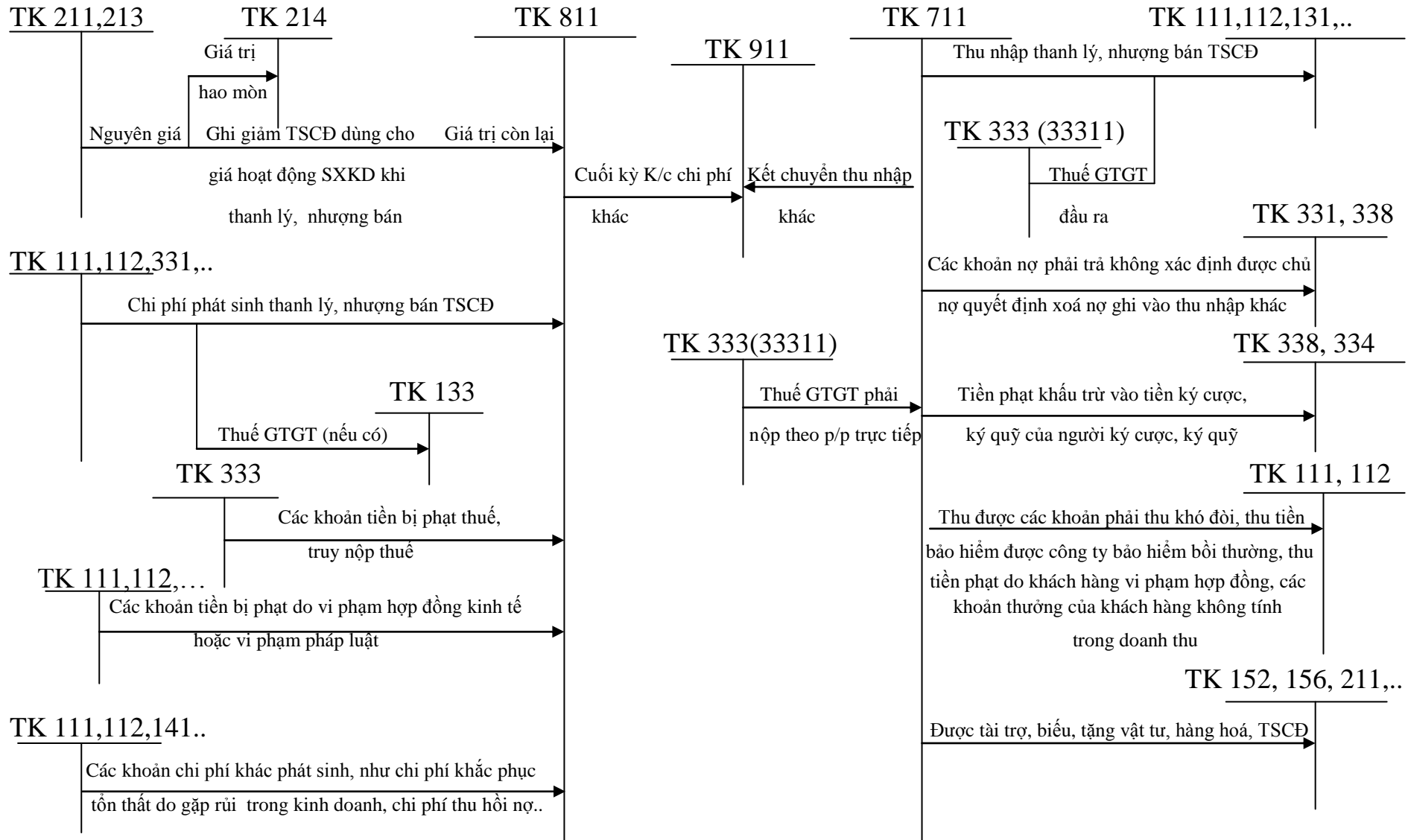
Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Tài khoản 811 – Chi phí khác không có số dư cuối kỳ

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K



**Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí khác:**



**1.4.4. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, dùng để phản ánh chi phí chịu thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

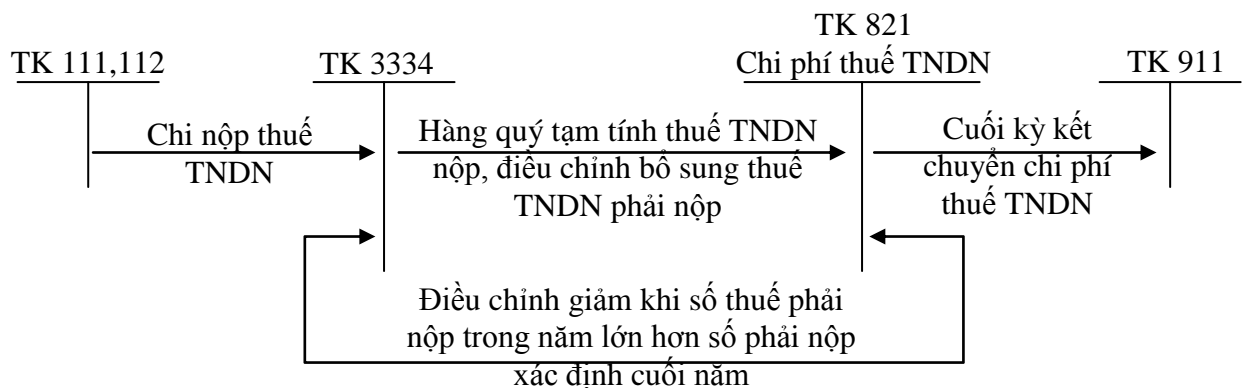
- **Quy định khi hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp phát hiện sai sót trọng yếu hoặc không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp điều chỉnh (tăng, giảm) vào số dư đầu năm của các Tài khoản 3334 "Thuế thu nhập doanh nghiệp" và các tài khoản liên quan khác mà không phải ghi nhận vào Tài khoản 821.

- **Sơ đồ kế toán Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Sơ đồ số 1.14:**

**KẾ TOÁN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**



### **1.4.5. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

**\* Nội dung kết cấu:**

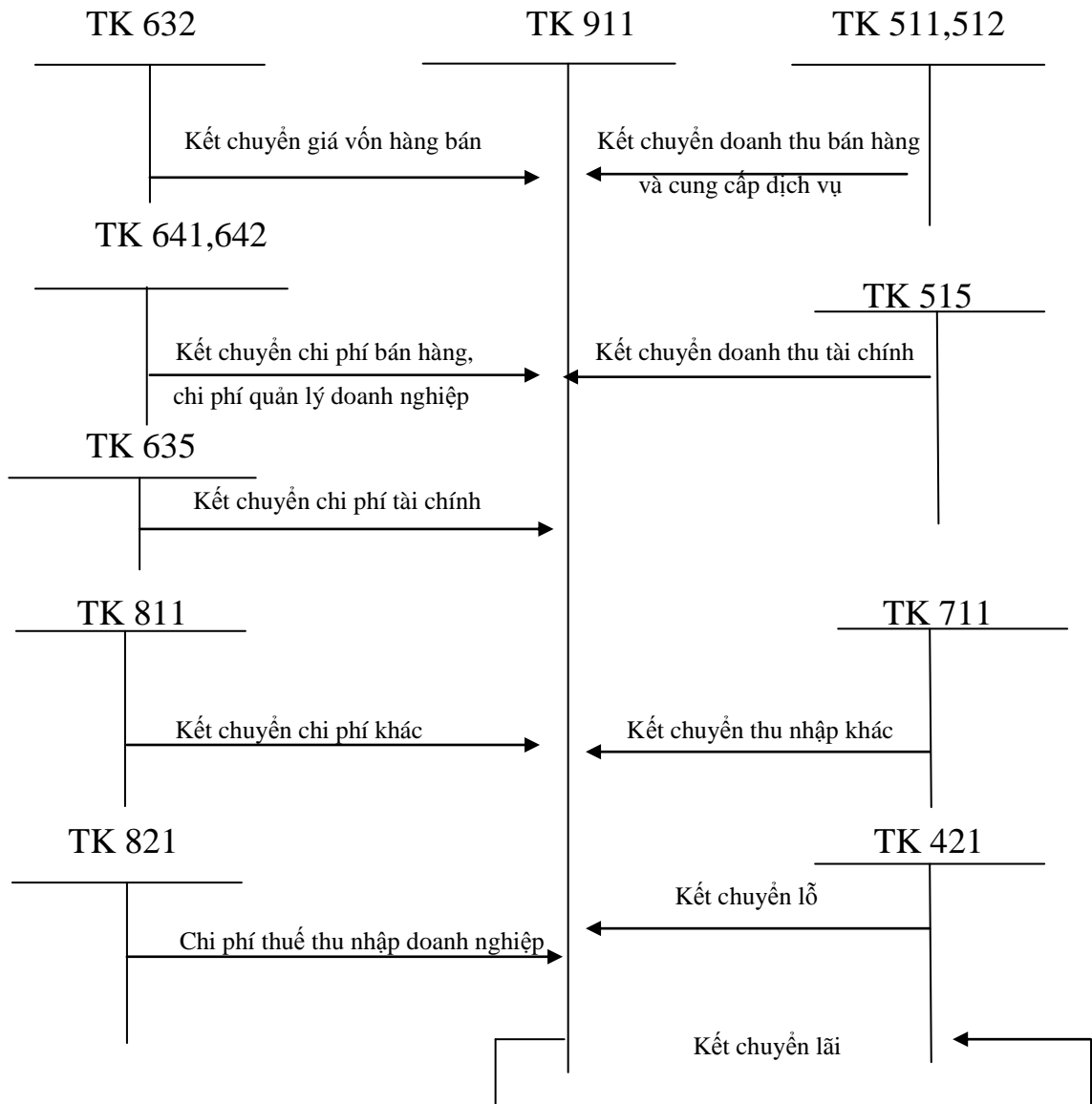
**- Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn của sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Chi phí tài chính
- + Chi phí khác
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- + lãi sau thuế các hoạt động khác trong kỳ

**- Bên Có:**

- + Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.
  - + Doanh thu hoạt động tài chính
  - + Thu nhập khác
  - + Lỗ về các hoạt động trong kỳ
- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

**Sơ đồ 1.15. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh:**



## **CHƯƠNG 2:**

### **CÔNG TÁC TỔ CHỨC HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I**

#### **2.1 Khái quát chung về công ty Nạo vét đường biển I**

##### **2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty Nạo vét đường biển I**

###### **Quá trình hình thành:**

Công ty nạo Vét Đường Biển I được thành lập từ năm 1982 tách ra từ công ty Bảo Đảm Hàng Hải và được mang tên là “xí nghiệp nạo vét đường biển 1” thuộc liên hiệp các Xí nghiệp nạo vét sông biển.

- Trụ sở chính: 33 đường Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng
- Số điện thoại: 0313.550030- 0313.550832

Trải qua hơn 20 năm thành lập và phát triển, giờ đây Công ty Nạo vét đường biển đã trải qua những khó khăn ban đầu. với đường nối mở cửa của Đảng và Nhà nước công ty đã thoát khỏi vòng cương tỏa của cơ chế quan liêu bao cấp, xây dựng và phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Công ty nạo vét đường biển I thuộc Tổng công ty xây dựng đường thủy, là một doanh nghiệp nhà nước. Công ty có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, mở tài khoản tại Ngân hàng. Công ty được Tổng công ty giao lại vốn và các nguồn lực khác phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh theo phương án sử dụng vốn được Hội đồng quản trị phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm trước nhà nước và Tổng công ty về hiệu quả sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn được giao. Công ty có quyền và nghĩa vụ dân sự tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh trong phạm vi số vốn nhà nước và các nguồn lực khác do Tổng công ty giao lại.

###### **Các giai đoạn phát triển:**

Từ ngày thành lập công ty đã trải qua 2 giai đoạn chính:

- Giai đoạn I (1982-1991): Là thời kỳ thành lập và thực hiện nhiệm vụ với tên gọi “ Xí nghiệp nạo vét đường biển I”
- Giai đoạn II (1992-2010) : Là thời kỳ đổi mới kinh doanh sản xuất, thời kỳ trưởng thành và phát triển thành “ Công ty nạo vét đường biển I”

Giai đoạn I (1980-1991)

Những năm chiến tranh đánh Mỹ CBCNV chủ yếu làm nhiệm vụ và phá bom mìn, thuỷ lôi, xây dựng đèn đảo, khảo sát biển, phá tan sự phong tỏa thuỷ lôi của đế quốc Mỹ góp phần làm nên lịch sử giải phóng đất nước. Đến năm 1982 do yêu cầu xây dựng của quản lý chuyên ngành Bộ GTVT quyết định tách phần kinh doanh nạo vét từ Công ty Bảo đảm hàng hải thành lập xí nghiệp nạo vét đường biển I trực thuộc liên hiệp xí nghiệp nạo vét sông biển.

Đặc điểm chính trong giai đoạn này là:

Phương thức sản xuất: Thực hiện do cấp trên giao, các tàu do xí nghiệp giao các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho đơn vị nhưng chủ yếu do xí nghiệp trực tiếp quản lý và điều hành.

Quản lý và khai thác tàu :

- Các tàu luôn bị điều chuyển, tàu TC81 và tàu TC82 điều chuyển sang xí nghiệp nạo vét đường biển II năm 1984 và sau đó nhận lại tàu TC82 vào năm 1987. tàu hút số 8 bán thanh lý năm 1991 do hư hỏng. Việc sửa chữa tàu vô cùng khó khăn do cơ chế bao cấp các nhà máy sửa chữa tàu biển cũng sửa chữa theo kế hoạch, do đó không nhà máy nào muốn sửa chữa tàu công trình. Vì thế tàu sửa chữa không đúng chu kỳ, phụ tùng thiếu trầm trọng, các tàu Long Châu; TC54 luôn phải vào bãi cạn Quảng Ninh để sửa chữa tiếp.
- Kế hoạch sản xuất hoàn toàn phụ thuộc vào cấp trên. Tàu thường chỉ đạt 150 đến 160 ngày sản xuất trong năm. Thậm chí như tàu Long Châu năm 1988 chỉ đạt 102 ngày sản xuất, tàu TC54 năm 1987 chỉ đạt 83 ngày sản xuất trong năm.

Giai đoạn II(1992-2010)

Giai đoạn này là giai đoạn ổn định tổ chức, cải tiến cơ chế quản lý, hạch toán kinh tế. Đánh dấu sự lớn mạnh đó bằng quyết định đổi tên Xí nghiệp nạo vét đường biển I thành công ty Nạo vét đường biển I(dưới có các xí nghiệp và các đoàn tàu trực thuộc) của bộ GTVT vào tháng 7 năm 1992.

Các thời kỳ của giai đoạn 1992 -2002:

Những năm 1992-1996:

Những năm đầu của thời kỳ này công ty tiến hành ổn định tổ chức một cách quyết liệt.

Tiến hành giao hạch toán kinh doanh cho các xí nghiệp, đoàn tàu đơn vị trong công ty. Xây dựng nhiều quy chế, giao hạch toán nội bộ cho các đoàn tàu TC82, TC54 và HE88, xí nghiệp cơ khí, xí nghiệp đầu tư thiết bị.

Tăng cường đầu tư chiều sâu, tập trung đầu tư cho các phương tiện nạo vét như Long Châu, TC54.

Giải thể các đơn vị kinh doanh không có hiệu quả như: Trạm dịch vụ, Đội công trình.. Thành lập các đơn vị mới phục vụ cho sản xuất nạo vét như: Chi nhánh công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và đại diện công ty tại Đà Nẵng.

Tiếp theo những năm 1997-2002

Trong những năm 1997-1999, đặc điểm nổi bật của giai đoạn này là khắc phục mọi khó khăn. Tàu HP01 bị tai nạn chìm vào tháng 3 năm 1997, Tổng công ty quyết định điều chuyển toàn bộ Đoàn tàu cuộc TC82 sang công ty công trình 4 vào cuối năm 1997, tàu Long Châu đang trên luồng thi công nạo vét luồng Bạch Đằng- Nam Triệu-Hải Phòng gặp rủi ro bị tàu WOOJIN của Nhật đâm vào.

### **2.1.2 Lĩnh vực hoạt động**

- Xây dựng các công trình giao thông đường thủy trong và ngoài nước
- Xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng
- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện thủy
- Sản xuất vật liệu xây dựng
- Nạo vét, xây dựng các công trình khác( bao gồm: thủy lợi, thủy sản, quốc phòng, đường bộ công nghiệp...)
- Xây dựng và lắp đặt hệ thống đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình dân dụng( nhà ở, văn phòng, khách sạn...)

### **2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý**

#### ***1. Ban giám đốc:***

Quản lý toàn bộ mọi hoạt động của công ty, soạn thảo công bố chính sách, chiến lược, chịu trách nhiệm cao nhất đối với chất lượng sản phẩm, phân công trách nhiệm quyền hạn cho các cán bộ lãnh đạo từ cấp trưởng phòng trở lên, sắp xếp bố trí cán bộ, tổ chức sản xuất theo yêu cầu của hệ thống chất lượng. Tổ chức chỉ đạo, phê duyệt các báo cáo, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm

**2. Phó giám đốc thị trường(báo cáo giám đốc)**

Thay mặt giám đốc trong công tác tìm kiếm khách hàng nạo vét, phụ trách trực tiếp phòng thị trường

**3. Phó giám đốc nội(báo cáo giám đốc)**

- Chịu trách nhiệm về hoạt động của phòng: Phòng hành chính, Trung tâm dịch vụ tổng hợp, Công tác xây dựng cơ bản nếu có...
- Phê duyệt kế hoạch xây dựng cơ bản nội bộ, kiểm soát bộ phận được giao phụ trách.

**4. Phó giám đốc kỹ thuật(Báo cáo giám đốc)**

- Thay mặt Giám đốc giải quyết nhiều công việc được uỷ quyền khi Giám đốc vắng mặt.
- Chịu trách nhiệm về hoạt động toàn bộ của phòng quản lý thiết bị và xí nghiệp sửa chữa cơ khí.
- Đối với đoàn tàu trực thuộc: Duyệt dự toán, quyết toán sửa chữa các phương tiện nạo vét.
- Điều độ sản xuất công nghiệp tại xí nghiệp cơ khí, quản lý toàn bộ hoạt động liên quan đến công tác gia công vật tư phụ tùng thay thế.

**5. Phó giám đốc sản xuất(báo cáo giám đốc)**

- Chịu trách nhiệm toàn bộ công tác sản xuất nạo vét của toàn công ty trực tiếp phụ trách phòng kế hoạch sản xuất.
- Kiểm soát chất lượng công trình nạo vét.

**2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty**

**2.1.4.1 - Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:**

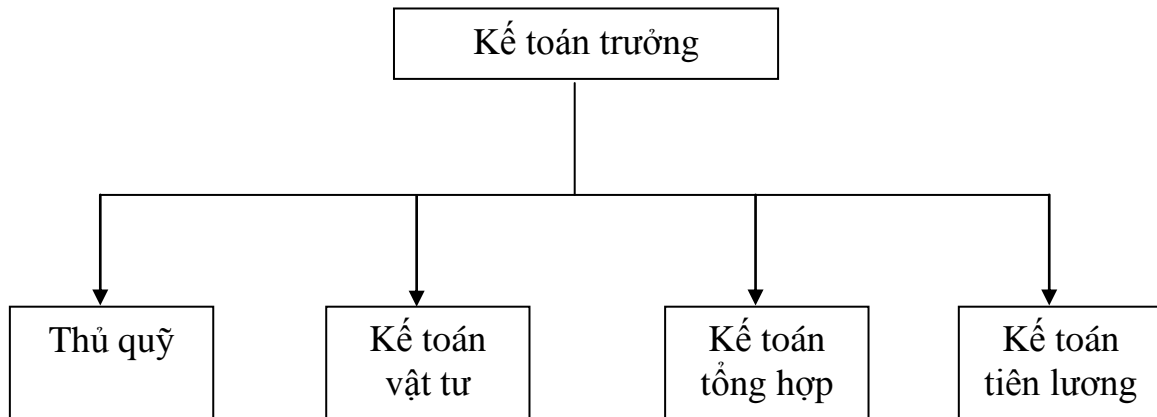
- Tổ chức nội công việc kế toán để thực hiện đầy đủ có chất lượng các nội dung trong công việc kế toán công ty.
- hướng dẫn đơn đốc, kiểm tra đầy đủ, kịp thời chứng từ kế toán của công ty.
- Ngoài ra bộ máy còn phân công kiểm kê tài sản, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu theo đúng quy định.

Bộ máy kế toán của công ty gồm 6 người, đứng đầu là kế toán trưởng bên dưới là các nhân viên kế toán.



**Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty**

**Sơ đồ 2.1**



***Kế toán trưởng***

Là người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm, giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn độc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

***Thủ quỹ***

Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu, chi các chứng từ thanh toán đã được phê duyệt, thu tiền hàng, tiền cước phí bến bãi, trả lương cho cán bộ công nhân viên.

***Kế toán vật tư***

Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các vật tư nhập vào và xuất ra

***Kế toán tổng hợp***

Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu, do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kỳ. Lập báo cáo tháng, quý, năm, lập báo cáo tài chính.

***Kế toán tiền lương***

Là nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung( đối với khối lao động gián tiếp lương tính trên phần trăm doanh thu thu được, đối với khối lao động trực tiếp lương tính theo sản phẩm).Hàng tháng tính đến các khoản trích theo lương ( BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN ).

**2.1.4.2, Chính sách, hình thức kế toán áp dụng:**

– *Chế độ kế toán:* Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

– *Kỳ kế toán:* Công ty áp dụng, lập và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan Nhà nước theo kỳ kế toán năm, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

– *Hình thức kế toán:* Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung**.

– *Phương pháp kê khai và nộp thuế GTGT:* Công ty kê khai và nộp thuế GTGT theo **phương pháp khấu trừ**.

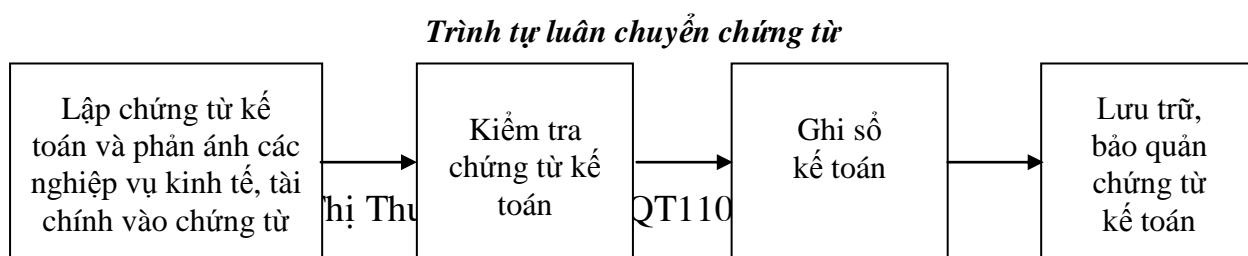
– *Phương pháp tính giá xuất kho:* Công ty tính giá xuất kho phương pháp **Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ**

– *Phương pháp tính khấu hao TSCĐ:* Công ty sử dụng phương pháp **khấu hao đường thẳng**.

**2.1.4.3, Hệ thống chứng từ kế toán:**

Trình tự và thời gian luân chuyển chứng từ kế toán do kế toán trưởng đơn vị quy định. Chứng từ gốc do đơn vị lập ra hoặc từ bên ngoài vào đều phải tập trung vào bộ phận kế toán của công ty. Bộ phận kế toán kiểm tra kỹ những chứng từ đó, xác minh là đúng thì mới dùng những chứng từ đó để ghi sổ kế toán.

**Sơ đồ 2.2**



Hệ thống chứng từ doanh nghiệp sử dụng theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

#### **2.1.4.4, Hệ thống tài khoản kế toán:**

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định trong Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, công ty đã tiến hành nghiên cứu, vận dụng và chi tiết hóa hệ thống tài khoản kế toán, nhưng vẫn phù hợp với nội dung, kết cấu và phương pháp hạch toán của các tài khoản tổng hợp tương ứng.

#### **2.1.4.5, Hệ thống sổ sách kế toán:**

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp.

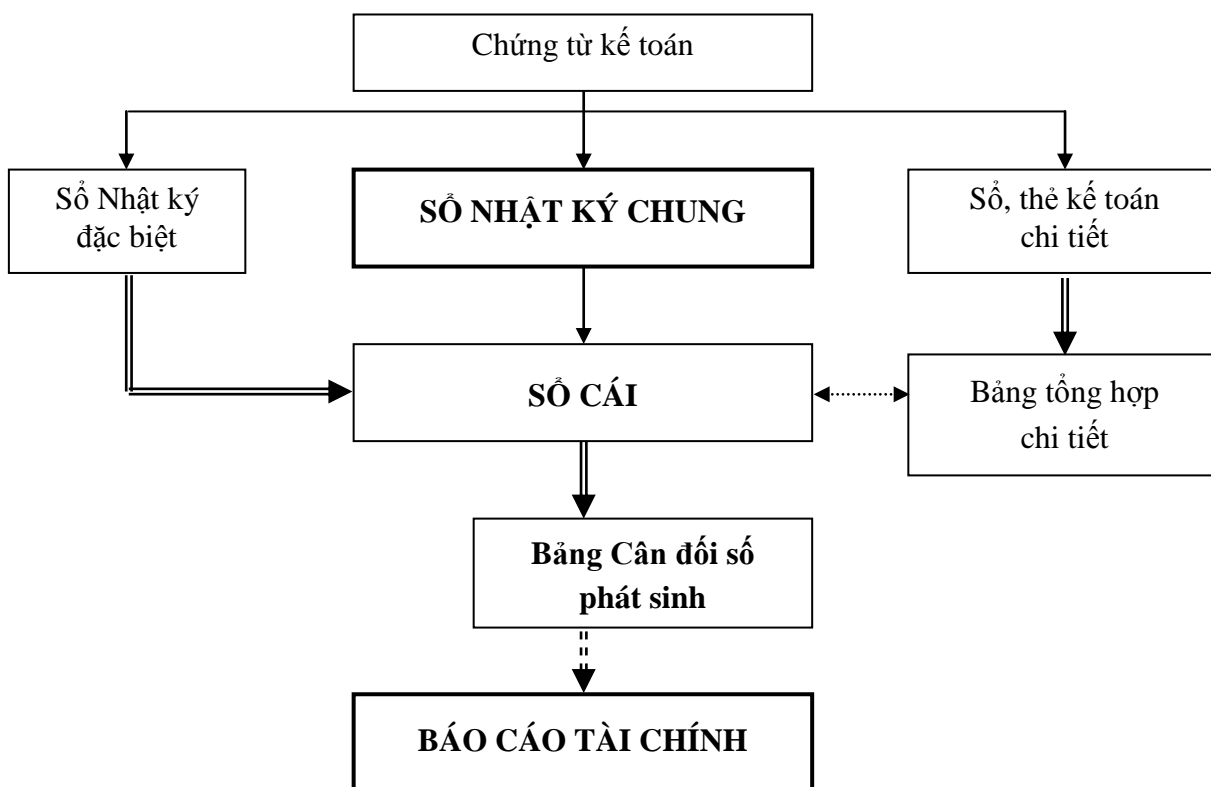
Doanh nghiệp sử dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức kế toán ***Nhật ký chung***

Hình thức này tách rời hạch toán theo thời gian và theo hệ thống trên 2 loại sổ khác nhau, tách rời hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên 2 loại sổ khác nhau. Đối với loại hình sổ kế toán này công ty cần phải lập Bảng cân đối số phát sinh để kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo kế toán vì sổ cái của mỗi tài khoản được phản ánh riêng trên 1 vài trang sổ.

Hiện nay, để phù hợp với sự phát triển của xã hội và quản lý, doanh nghiệp đã áp dụng thêm hình thức kế toán máy Excel giúp tiết kiệm thời gian, chi phí.

**Sơ đồ 2.3:**

*Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung*



**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối quý
- ←-.-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra
- > Ghi cuối năm

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh để phải được ghi vào Sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi số liệu vào Sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái. Các số liệu liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng được đồng thời ghi vào các sổ, thẻ chi tiết tương ứng. Cuối quý, năm cộng các số liệu trên sổ cái, tính số dư để lập Bảng cân đối tài khoản. Các số liệu trên sổ kế

toán chi tiết cũng được tổng hợp để lập ra các Bảng tổng hợp chi tiết. Các số liệu sau khi kiểm tra thấy khớp và đúng sẽ được sử dụng để lập Báo cáo kế toán.

#### **2.1.4.6, Hệ thống báo cáo kế toán**

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- |  |                  |
|--|------------------|
| - Bảng Cân đối kế toán                 | Mẫu số B01 - DNN |
| - Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DNN |
| - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ           | Mẫu số B03 - DNN |
| - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính    | Mẫu số B09 - DNN |
| - Bảng Cân đối tài khoản               | Mẫu số F01 - DNN |

Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Bản Thuyết minh báo cáo tài chính là báo cáo bắt buộc, gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu là Bảng Cân đối tài khoản.

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập.

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty nạo vét đường biển I**

### **2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty nạo vét đường biển I**

#### **2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty**

- Chi nhánh Công ty Nạo vét đường biển I ghi nhận doanh thu theo các nguyên tắc quy định trong Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ : Đó là doanh thu thu được từ hoạt động nạo vét đường biển, bến cảng, xây dựng các công trình thủy... được hạch toán vào Tài khoản 511

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh cũng chính là doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ bởi tại Công ty không sử dụng các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại - TK 521, hàng bán bị trả lại - TK 531 hay giảm giá hàng bán – TK 532.

#### **Phương thức tiêu thụ mà Công ty sử dụng**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K

- Bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại địa điểm thi công công trình.

### 2.2.1.2 Đặc điểm giá vốn

- Giá vốn của công ty chính là giá quyết toán công trình (giá thành)

#### *Phương pháp tính giá thành*

Công ty áp dụng tính giá thành trực tiếp và tính riêng cho từng công trình, hạng mục thi công.

$$\text{Tổng giá thành} = \text{CPSXDD đầu kỳ} + \text{CPPStrong kỳ} - \text{CPSXDD cuối kỳ}$$

### 2.2.1.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại công ty Nạo vét đường biển I.

#### **Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu.
- Phiếu kế toán.
- Giấy báo có của Ngân hàng.
- Và các chứng từ khác có liên quan...

#### **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán bao gồm:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có các tài khoản cấp 2:
  - + TK 5111 Doanh thu bán hàng.
  - + TK 5113: Doanh thu dịch vụ.
- TK 111,112,131: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng.
- TK 33311: Thuế GTGT đầu ra.
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- Và các tài khoản khác có liên quan...

#### • **Sổ kế toán sử dụng:**

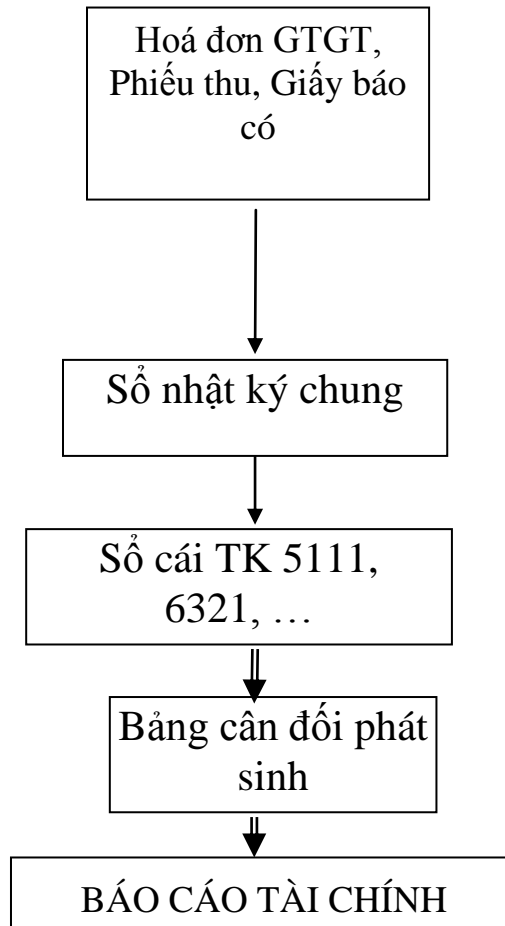
Hàng ngày, hàng tháng diễn ra rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế, vì vậy thay vì ghi Sổ Cái cho tài khoản 511 và ghi Sổ chi tiết các tài khoản 5111, 5112, 5113,

công ty ghi Sổ Cái cho ba tài khoản 5111, tài khoản 5112, tài khoản 5113 và đến cuối mỗi quý, công ty ghi Sổ tổng hợp tài khoản 511.

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái tài khoản 5111, 5112, 5113
- Sổ Cái tài khoản 333, 111, 112, 131, ...
- Sổ tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Và các sổ kế toán khác có liên quan ....

- **Quy trình kế toán**

- **Sơ đồ 2.4**



- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> Ghi sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←---> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ minh họa:**

1. Ngày 25/12 công ty hoàn thành công trình cầu tàu Cảng Vật Cách và bàn giao, giá trị công trình là 3.120.064.000 đồng, thuế suất GTGT là 10%, giá vốn công trình là 2 140 350 050 đồng. Chủ đầu tư đã thanh toán 50% số tiền bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản: a, Nợ TK 632: 2.140.350.050

Có TK 154: 2.140.350.050

b, Nợ TK 112: 1.716.035.200

Nợ TK 131: 1.716.035.200

Có TK 5111: 3.120.064.000

Có TK 3331: 312.006.400

2. Ngày 31/12 công ty hoàn thành nạo vét ven cảng Vật Cách, Trị giá là 450.460.000 đồng, thuế suất GTGT là 10%, giá vốn là 320.120.000. Khách hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản:

a, Nợ TK 632 : 320.120.000

Có TK 154: 320.120.000

b, Nợ TK 112 : 495.506.000

Có TK 5113: 450.460.000

Có TK 3331: 45.046.000



**Biểu 01**

CTY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I

**Số 33- Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang .....		....	....
25/12	00321	25/12	bàn giao công trình. Ghi nhận giá vốn	632	2 140 350 050	
				154		2 140 350 050
			.....			
			Bàn giao công trình. Ghi nhận doanh thu	112	1.716.035.200	
				131	1.716.035.200	
				5111		3.120.064.000
				3331		312.006.400
31/12	00352	31/12	Hoàn thành nợ vét. Ghi nhận giá vốn	632	320.120.000	
				154		320.120.000
			Hoàn thành nợ vét. Ghi nhận doanh thu	112	495.506.000	
				5113		450.460.000
				3331		45.046.000
...			...	...	...	...
			<b>Cộng</b>		<b>772.865.254.324</b>	<b>772.865.254.324</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 02**

Đơn vị: **CÔNG TY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I**

Mẫu số: **Số3b-DNN**

Địa chỉ: **33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2010**

**Tài khoản 5111 – Doanh thu xây dựng**  
 Từ ngày 01 /12/ 2010 đến ngày 31/ 12/ 2010

**Đơn vị tính: Đồng**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			.....			
25/12	00321	25/12	Bàn giao công trình	112		1.716.035.200
				131		1.716.035.200
28/12	00324	28/12	Bàn giao công trình	112		2.023.035.658
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu xây dựng	911	58.354.621.458	
			Cộng phát sinh		<b>58.354.621.458</b>	<b>58.354.621.458</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 03**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K

## SỔ CÁI

**Năm 2010**

**Tài khoản 5113 – Doanh thu nạo vét**

Từ ngày 01 /12/ 2010 đến ngày 31/ 12/ 2010

**Đơn vị tính: Đồng**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			.....			
20/12	00302	20/12	Hoàn thành nạo vét	112		201.325.889
31/12	00352	31/12	Hoàn thành nạo vét	112		450.460.000
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu nạo vét	911	22.836.552.349	
			.....			
			Cộng phát sinh		<b>22.836.552.349</b>	<b>22.836.552.349</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

### Biểu 04

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K

**CÔNG TY NẠO VÉT ĐƯỜNG BIỂN I**

33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

**Năm 2010**

**Tài khoản 6321 – Giá vốn xây dựng**  
Từ ngày 01 /12/ 2010 đến ngày 31/ 12/ 2010

**Đơn vị tính: Đồng**

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHT K	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		....			....
00302	20/10	Bàn giao công trình xây dựng	154	8.012.321.000	
00321	25/12	Bàn giao công trình	154	2 140 350 050	.....
		Kết chuyển giá vốn sang TK 911	911		60.021.025.301
		....			.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>60.021.025.301</b>	<b>60.021.025.301</b>
		Số dư cuối kỳ			

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31.tháng 12.năm 2010  
Tổng giám đốc

**Biểu 05**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K

**CÔNG TY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I**

33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

**Năm 2010**

**Tài khoản 6322 – Giá vốn nợ vét**  
Từ ngày 01 /12/ 2010 đến ngày 31/ 12/ 2010

**Đơn vị tính: Đồng**

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		....			.....
00295	12/11	Hoàn thành nợ vét	154	541.032.000	
00352	31/12	Hoàn thành Nợ vét ven Cảng Đoạn Xá	154	320.120.000	.....
		Kết chuyển giá vốn sang TK 911	911		22.977.686.880
		....			.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>22.977.686.880</b>	<b>22.977.686.880</b>
		Số dư cuối kỳ			

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31.tháng 12.năm 2010  
Tổng giám đốc

#### **2.2.1.4 Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

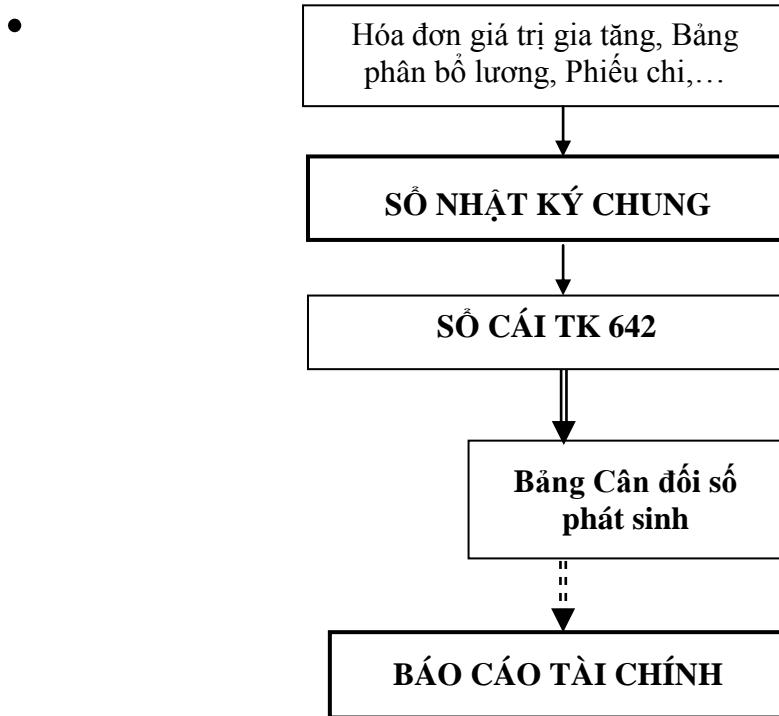
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty là toàn bộ chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, BHYT, BHXH, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, các chi phí vật liệu văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý, thuế phải nộp, các dịch vụ mua ngoài.

##### **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn Giá trị gia tăng
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ lương,...
- Và các chứng từ khác có liên quan...
- ***Sổ kế toán sử dụng***
  - Sổ Nhật ký chung
  - Sổ Cái tài khoản 642
  - Và các sổ kế toán khác có liên quan...
- ***Quy trình kế toán***

**Sơ đồ 2.5.:**

*Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí quản lý kinh doanh*



- Ghi chú:**

  - ▶ Ghi hàng ngày
  - =====> Ghi cuối quý
  - .....<—▶ Đối chiếu, kiểm tra
  - ▶ Ghi cuối năm

**Ví dụ minh họa**

Ngày 14/12 chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ quản lý doanh nghiệp là 3.550.000 đồng chưa bao gồm 10% VAT đã trả bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 3.550.000

Nợ TK 133: 355.000

Có TK 111: 3.905.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642

CTY NẠO VÉT ĐƯỜNG BIÊN I

**Biểu 06**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K

**Số 33- Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		....	....
			.....			
14/12	00390	14/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ quản lý doanh nghiệp trả bằng tiền mặt	642	<b>3.550.000</b>	
				133	355.000	
				111		<b>3.905.000</b>
			.....			
25/12	00321	25/12	Bàn giao công trình. Ghi nhận doanh thu	112	1.716.035.200	
				131	1.716.035.200	
				5111		3.120.064.000
				3331		312.006.400
31/12	00352	31/12	Hoàn thành nợ vét. Ghi nhận giá vốn	632	320.120.000	
				154		320.120.000
31/12	00352	31/12	Hoàn thành nợ vét. Ghi nhận doanh thu	112	495.506.000	
				5113		450.460.000
				3331		45.046.000
...	...		...	...	...	...
			<b>Cộng</b>		<b>772.865.254.324</b>	<b>772.865.254.324</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 07**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K



Đơn vị: **CÔNG TY NẠO VÉT ĐƯỜNG BIỂN I**

Mẫu số: **S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 642

NT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
30/11			Trả tiền điện nước bộ phận QLDN	1111	2.013.354	
14/12	00390	14/ 12	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1111	3.905.000	
31/12			kết chuyển chi phí QLDN	911		<b>7.932.020.076</b>
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>7.932.020.076</b>	<b>7.932.020.076</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**2.2.2.1 Kế toán doanh thu tài chính**

Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền gửi ngân hàng. Hàng tháng, công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng về lãi tiền gửi được hưởng làm căn cứ để viết Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515, TK 112...

**• Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 112
- Và các tài khoản khác có liên quan ...

**• Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi
- Sổ chi tiết tài khoản của ngân hàng
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Và các chứng từ khác có liên quan...

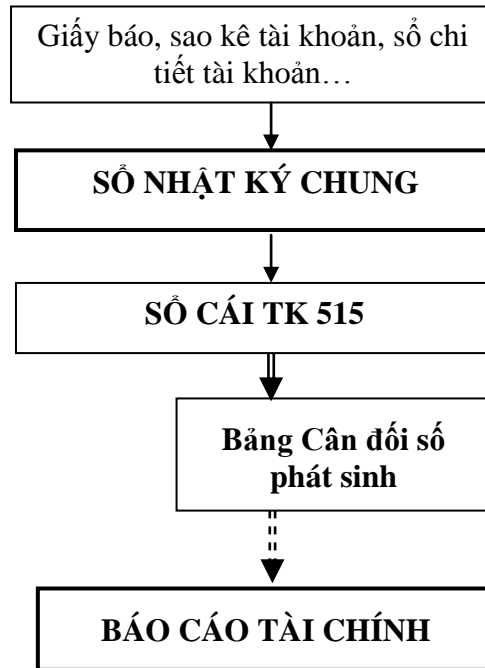
**• Sổ kế toán sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái tài khoản 515, 112
- Sổ chi tiết tài khoản 112
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

**• Quy trình kế toán**

**Sơ đồ 2.6**

*Quy trình kế toán*



*Ghi chú:*

- ▶ Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối quý
- ⋯⋯⋯▶ Đối chiếu, kiểm tra
- ▶ Ghi cuối năm

**Ví dụ minh họa**

– Ngày 31/12/2010, nhận được Giấy báo lãi của ngân hàng TMCP Hàng Hải về lãi tiền gửi được hưởng

– Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Kế toán tập hợp chứng từ bao gồm:

- Sao kê tài khoản chi tiết
- Giấy báo lãi

Kế toán định khoản:

Nợ TK 1121	: 310.000
Có TK 515	: 310.000

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản 515, 112, Sổ chi tiết tài khoản 1121

**Ngân hàng TMCP Hàng Hải**

**TMCPHH TP Hải Phòng**

Mã số thuế của CN: 02001164741

(Liên 2: Trả khách hàng)

**Giấy Báo**

Tên khách hàng: Công ty Nạo vét đường biển I

Địa chỉ: 33, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế của KH: 0200106161

Thông báo với khách hàng chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách số tiền

sau:

Diễn giải	Biên lai lãi tiền gửi		
A/C NO. (Số TK)	2100311000016	REF (Số BT)	
Chi tiết	Số tiền (VNĐ)	Ngày tháng	
Lãi nhập gốc	310 000	31/12/2010	
Tổng	310 000		

Người in

Nguyễn Thị Minh Châu

D: Nợ, C: Có

Trang:  
1/1

Khách hàng	Thanh toán viên	Trưởng Phòng
------------	-----------------	--------------

**Biểu 08**

CTY NẠO VÉT ĐƯỜNG BIÊN I

**Số 33- Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		...	...
			.....			
14/12	00390	14/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ quản lý doanh nghiệp trả bằng tiền mặt	642	3.550.000	
				133	355.000	
				111		3.905.000
25/12	00321	25/12	Bàn giao công trình. Ghi nhận doanh thu	112	1.716.035.200	
				131	1.716.035.200	
				5111		3.120.064.000
				3331		312.006.400
31/12	00352	31/12	Hoàn thành nợ vét. Ghi nhận giá vốn	632	320.120.000	
				154		320.120.000
			Hoàn thành nợ vét. Ghi nhận doanh thu	112	495.506.000	
				5113		450.460.000
				3331		45.046.000
31/12	GBC	31/12	Lãi tiền gửi Ngân Hàng TMCP Hàng hải	1121	310.000	
				515		310.000

			<b>Cộng</b>		<b>772.865.254.324</b>	<b>772.865.254.324</b>
--	--	--	-------------	--	------------------------	------------------------

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 09**

Đơn vị: **CÔNG TY NẠO VÉT ĐƯỜNG BIỂN I**

Mẫu số: **S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2010

Tên tài khoản: **Doanh thu hoạt động tài chính**

Số hiệu **TK515**

NT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			.....			
30/11/ 2010	GBC	31/ 12	Lãi tiền gửi NH ACB	1121		356.450
31/12/ 2010	GBC	31/ 12	Lãi tiền gửi Ngân Hàng TMCP Hàng hải	1121		310.000
31/12/ 2010	GBC	31/ 12	Lãi tiền gửi NH Eximbank	1121		<b>210.000</b>
31/12/ 2010		31/ 12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	911	<b>48.450.368</b>	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>48.450.368</b>	<b>48.450.368</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

### 2.2.2.2, *Kế toán chi phí tài chính*

- ***Tài khoản sử dụng:***

TK sử dụng: TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính

Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền vay ngân hàng. Hàng tháng, công ty nhận được Giấy báo nợ của ngân hàng về lãi phải trả làm căn cứ để viết Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 635, TK 112...

- ***Chứng từ kế toán sử dụng:***

- Giấy báo nợ
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Sổ kế toán chi tiết của ngân hàng
- Và các chứng từ khác có liên quan...

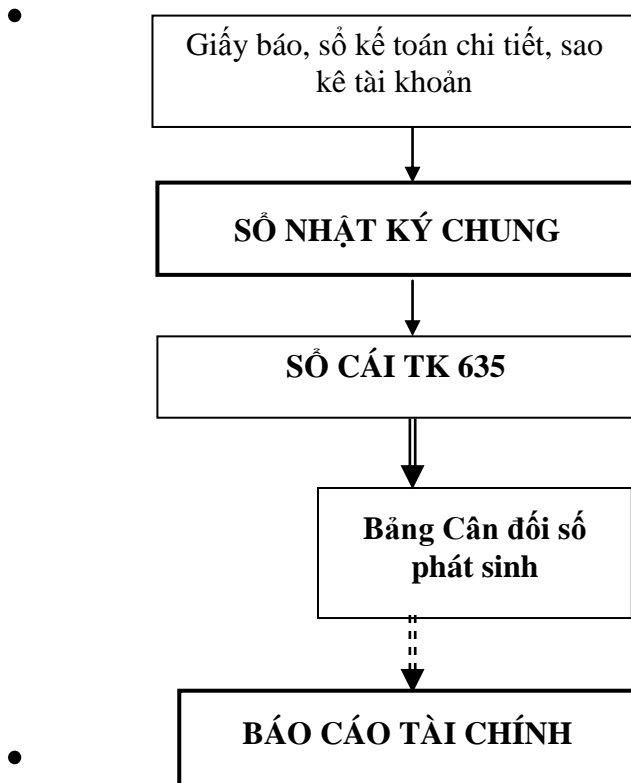
- ***Sổ kế toán sử dụng:***

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái tài khoản 635, 112
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

- ***Quy trình kế toán***

**Sơ đồ 2.7:**

***Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí tài chính***



***Ghi chú:***

- ▶ Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối quý
- .....> Đối chiếu, kiểm tra
- ▶ Ghi cuối năm

**Ví dụ minh họa**

Ngày 31/12/2010, nhận được Giấy báo của ngân hàng Eximbank về tiền lãi vay phải trả 5.351.215 đồng. Doanh nghiệp trả bằng tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nhận được Giấy báo của ngân hàng, kế toán định khoản:

Nợ TK 635 : 5.351.215

Có TK 1121 : 5.351.215

Kế toán ghi Sổ Nhật ký chung

Kế toán ghi Sổ Cái tài khoản 635, 112



**Biểu 10**

CTY NẠO VÉT ĐƯỜNG BIỂN I

**Số 33- Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		...	...
			.....			
14/12	00309	14/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ quản lý doanh nghiệp trả bằng tiền mặt	642	<b>3.550.000</b>	
				133	355.000	
				111		<b>3.905.000</b>
			.....			
25/12	00321	25/12	Bản giao công trình. Ghi nhận doanh thu	112	1.716.035.200	
				131	1.716.035.200	
				5111		3.120.064.000
				3331		312.006.400
31/12	00352	31/12	Hoàn thành nợ vét. Ghi nhận giá vốn	632	320.120.000	
				154		320.120.000
			Hoàn thành nợ vét. Ghi nhận doanh thu	112	495.506.000	
				5113		450.460.000
				3331		45.046.000
31/12	GBN	31/12	Trả lãi cho Ngân hàng Exximbank	635	5.351.215	
				1121		5.351.215
			<b>Cộng</b>		<b>772.865.254.324</b>	<b>772.865.254.324</b>

**Biểu 11**

Đơn vị: **CÔNG TY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I**

**Mẫu số: S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu TK635

NT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			.....			
3/11/2010	GBN	31/11	Trả lãi cho NH ACB	1121	10.253.012	
31/12/2010	GBN	31/12	Trả lãi cho Ngân Hàng TMCP Hàng hải	1121	51.025.321	
31/12/2010	GBN	31/12	Trả lãi cho NH Eximbank	1121	5.351.215	
31/12/2010		31/12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	911		<b>5.488.873.738</b>
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>5.488.873.738</b>	<b>5.488.873.738</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

### **2.2.3 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại Công ty Nạo vét đường biển I**

#### **Đặc điểm thu nhập khác tại Công ty:**

Thu nhập khác tại Chi nhánh thường chỉ có các khoản thu từ thanh lý tài sản cố định và từ tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.

#### **Đặc điểm chi phí khác tại Công ty:**

Đối với các khoản chi phí khác tại Chi nhánh gồm có các khoản sau:

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng.
- Tiền nộp phạt thuế.

Năm 2010, Công ty không phát sinh các khoản chi phí khác.

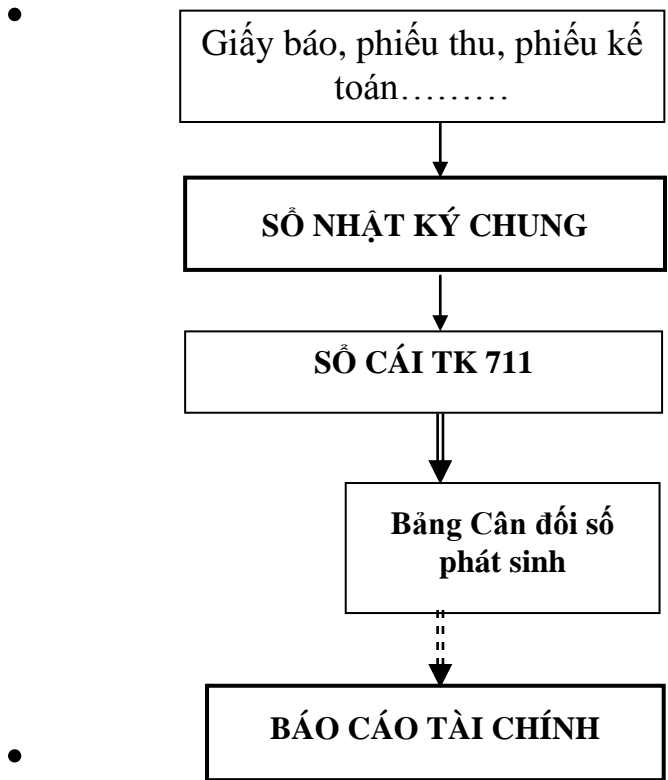
#### **Chứng từ sử dụng.**

Chứng từ liên quan đến thu nhập khác tại Công ty bao gồm phiếu thu, phiếu kế toán khác, giấy báo có của ngân hàng. Còn đối với chi phí khác thì gồm có phiếu chi, giấy báo Nợ ngân hàng và phiếu kế toán khác.

#### **Quy trình hạch toán.**

**Sơ đồ 2.8**

*Quy trình kế toán*



**Ghi chú:**

- ▶ Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối quý
- ⋯⋯⋯<—▶ Đối chiếu, kiểm tra
- =====> Ghi cuối năm

**Ví dụ minh họa..**

Vào ngày 17/12 công ty nhận được tiền đền bù do vi phạm hợp đồng của Cty CP XNK Hoà Bình thông qua tài khoản tại ngân hàng Vietcombank.

Kế toán định khoản:  
 Nợ 1121 :60.000.000  
 Có 711 :60.000.000

NGAN HANG NGOAI THUONG VN IBT - ONLINE HAI PHONG Gio in: 10:52:46AM So chung tu: 043.1878.0004 So chuyen tien: 43208061700004 Note:  NHNT Phu Tai Nguoi tra tien: LE VAN NAM So tai khoan: 110101001 Dia chi: NHNT Hai Phong Nguoi huong: CN CTCP KHO VAN VA DV TM HP II So tai khoan: 00031000069212 So CMT: Dia chi: So tien: VND 60,000,000.00 <b>Sau muoi trieu VND</b>  Noi dung: LE VAN NAM-CTY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I THANH TOAN CONG NO  Ma VAT Ngan hang: 0100112437055  GIAO DICH VIEN	GIAY BAO CO  Ngay: 17/12/2010  Ngay gio nhan:  TK Ghi No:  TK Ghi Co: 31000069212 Tai NH: VCB HAI PHONG  Ma VAT khách hàng:  LIEN 2  PHONG NGHIEP VU
---	---

**Biểu 12**

CTY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I

**Số 33- Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng**

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		...	...
			.....			
17/12		17/12	Nhận được tiền đền bù KH vi phạm hợp đồng	1121	60.000.000	
				711		60.000.000
25/12	00321	25/12	Bàn giao công trình. Ghi nhận doanh thu	112	1.716.035.200	
				131	1.716.035.200	
				5111		3.120.064.000
				3331		312.006.400
31/12	00352	31/12	Hoàn thành nợ vét. Ghi nhận giá vốn	632	320.120.000	
				154		320.120.000
			Hoàn thành nợ vét. Ghi nhận doanh thu	112	495.506.000	
				5113		450.460.000
				3331		45.046.000
31/12	GBN	31/12	Trả lãi cho Ngân hàng Exximbank	635	5.351.215	
				1121		5.351.215
			<b>Cộng</b>		<b>772.865.254.324</b>	<b>772.865.254.324</b>

**Biểu 13**

Đơn vị: **CÔNG TY NẠO VÉT ĐƯỜNG BIỂN I**

Mẫu số: **S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP** (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2010

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu TK711

NT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			.....			
17/12		17/12	Nhận được tiền đền bù KH vi phạm hợp đồng	1121		60.000.000
			.....			
31/12/2010		31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	1.425.827.400	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.425.827.400</b>	<b>1.425.827.400</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

### 2.2.4 Tổ chức công tác kế toán Xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét đường biển I

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi phí thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế \* Thuế suất thuế TNDN

Kết quả HĐSXKD=(Tổng DT-Các khoản giảm trừ)-(Gv+CPQLDN+CP thuế TNDN)

- **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, xác định số chênh lệch “ Tổng doanh thu - Tổng chi phí” kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty như sau:

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) > 0 (Bên Nợ < Bên Có)

=> Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) = 0 (Bên Nợ = Bên Có)

=> Doanh nghiệp hòa vốn.

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) < 0 (Bên Nợ > Bên Có)

=> Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

- **Sổ kế toán sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ Cái tài khoản 911, 421
- Và các sổ kế toán khác có liên quan ...



• **Thực tế kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty:**

Cuối quý, ngày 31/12/2010, doanh nghiệp tập hợp doanh thu, chi phí và kết chuyển sang tài khoản 911

		Nợ 911	96.419.605.995
Nợ 511	81.191.173.807	Có 632	82.998712.181
Nợ 515	48.450.368	Có 635	5.488.873.738
Nợ 711	4.425.827.400	Có 642	7.932.020.076
Có 911	82.665.451.575		

Doanh nghiệp tiến hành kết chuyển lỗ:

Nợ TK 421      13.754.154.420

Có TK 911    13.754.154.420

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung

Kế toán ghi Sổ Cái tài khoản 911, 421 và các sổ kế toán khác có liên qua

**Biểu 14**

CTY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I

Số 33- Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trạng trước chuyển sang		....	....
			...			
25/ 12	00321	25/12	bàn giao công trình	632	2 140 350 050	
				154		2 140 350 050
			Bàn giao công trình	1121	1.716.035.200	
				131	1.716.035.200	
				511		3.120.064.000
				3331		312.006.400
...	...	...	...	...	...	...
31/ 12		31/12	kết chuyển chi phí	911	96.419.605.995	
				632		82.998.712.181
				635		5.488.873.738
				642		7.932.020.076
31/ 12		31/12	Kết chuyển doanh thu	511	81.191.173.807	
				515	48.450.368	
				711	1.425.827.400	
				911		82.665.451.575
31/ 12		31/12	Kết chuyển lỗ	421	13.754.154.420	
				911		13.754.154.420

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 15**

Đơn vị: **CÔNG TY NẠO VÉT ĐƯỜNG BIỂN I**

**Mẫu số:S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

*Năm 2010*

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			.....			
31/12		31/12	kết chuyển chi phí	632	82.998.712.181	
				642	7.932.020.076	
				635	5.488.873.738	
31/12		31/12	kết chuyển doanh thu	511		81.191.173.807
				515		48.450.368
				711		1.425.827.400
31/12		31/12	kết chuyển lỗ	421		13.754.154.420
			<b>Cộng phát sinh</b>		96.419.605.995	96.419.605.995
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 16**

Đơn vị: **CÔNG TY NẠO VÉT ĐƯỜNG BIỂN I**

**Mẫu số:S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

*Năm 2010*

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế

Số hiệu TK:421

NT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>42.617.260.362</b>	
			.....			
31/12		31/12	kết chuyển lỗ	911	13.754.154.420	
			.....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>13.754.154.420</b>	
			<b>Dư cuối kỳ</b>		<b>56.371.414.782</b>	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 16**

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010:

Công ty Nạo vét đường biển I  
33- Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số B 02-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		81.191.173.807	147.286.172.240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		<b>81.191.173.807</b>	<b>147.286.172.240</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		82.998.712.181	149.242.300.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)	20		<b>(1.807.538.374)</b>	<b>(1.956.128.634)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		48.450.368	132.635.048
7. Chi phí tài chính	22		5.488.873.738	11.125.252.278
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.488.873.738	11.125.252.278
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		7.932.020.076	11.126.466.909
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		<b>(15.179.981.820)</b>	<b>(24.075.212.773)</b>
10. Thu nhập khác	31		1.425.827.400	345.258.327
11. Chi phí khác	32			962.724.464
12. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		<b>1.425.827.400</b>	<b>(617.466.137)</b>
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		<b>(13.754.154.420)</b>	<b>(24.692.678.910)</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		<b>(13.754.154.420)</b>	<b>(24.692.678.910)</b>

Lập, ngày 5 tháng 2 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K

### **CHƯƠNG III**

## **MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I**

### **3.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:**

Mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam hoàn toàn hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Trong giai đoạn đó 2006-2011 là giai đoạn củng cố hội nhập, giai đoạn này tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán. Hệ thống kế toán của doanh nghiệp cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy, ngày càng hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc:

– Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

– Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

– Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc.

### **3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vết đường biển I.**

#### **3.2.1. Đánh giá chung**

Công ty Nạo vét đường biển I là một công ty trực thuộc Tổng công ty xây dựng đường thủy. Công ty đã đạt được những thành tích đáng nể:

- Bằng khen “Đơn vị thi đua xuất sắc 2006”
- Bằng khen của Phòng thương mại và công nghiệp VN từ 2004 đến 2007.
- Bằng khen của Cục thuế Hải Phòng - 2009
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ.
- Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng – 2009
- Bằng khen của Tổng công ty xây dựng đường thủy....

Hàng năm, công ty thường xuyên tuyển mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, chính xác, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên.

Ngoài ra, hàng năm công ty còn tổ chức các chuyến thăm quan cho các cán bộ, nhân viên công ty, giúp cho nhân viên công ty được thư giãn, hòa đồng, thêm thân thiết và càng thêm gắn bó với công ty.

Đặc biệt, vì kinh doanh trong lĩnh vực Nạo vét, sửa chữa, xây dựng, lĩnh vực phụ thuộc rất lớn đến chất lượng tay nghề của đội ngũ lái xe nên hàng quý, hàng năm công ty luôn tổ chức các đợt khám sức khỏe cũng như kiểm tra, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ sửa chữa, xây dựng, có chế độ khen thưởng, bảo hiểm, đảm bảo cho mỗi công trình luôn được an toàn, tốt đẹp.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

### **3.2.2, Ưu điểm:**

#### **Về tổ chức bộ máy kế toán:**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K

Bộ máy kế toán được tổ chức có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Cán bộ phòng kế toán đều là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình được bố trí công việc hợp lý, phù hợp với năng lực của từng người, không những thế cán bộ kế toán Công ty còn không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao.

### **Về hình thức kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời.

Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

### **Về chứng từ kế toán sử dụng:**

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

### **Về sổ sách kế toán sử dụng:**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K



Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ.

Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

### **Về hệ thống báo cáo kế toán:**

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định dành cho Chế độ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

### **Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Tổ chức thông tin tại Công ty được thực hiện khá tốt, luôn cập nhật kịp thời, chính xác những thay đổi mới về chế độ, chuẩn mực kế toán trong đó có vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Cụ thể, hiện nay Chi nhánh đang thực hiện công tác kế toán theo đúng những quy định mới nhất trong quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp,...

Việc cập nhật kịp thời cũng như việc áp dụng những quy định mới về chế độ kế toán giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Công ty đảm bảo hạch toán doanh thu chi tiết, đầy đủ, kịp thời. Cụ thể các hóa đơn GTGT được nhập ngay vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ trên tất cả các sổ sách liên quan từ sổ chi tiết cho đến sổ tổng hợp.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được cập nhật nhanh chóng, chi tiết.

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng quý vì vậy sẽ luôn đảm bảo được quá trình cung cấp thông tin kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty ra những quyết định về kinh doanh để ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

### **3.2.3. Hạn chế.**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Chi nhánh cũng không tránh khỏi những hạn chế, những mặt chưa hoàn thiện.

#### **3.2.3.1. Về sổ kế toán sử dụng:**

Theo nguyên tắc kế toán, Sổ Cái được mở cho tài khoản tổng hợp cấp một, Sổ chi tiết tài khoản được mở cho tài khoản chi tiết cấp hai. Tuy nhiên, hiện nay công ty không mở Sổ Cái cho “Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, “Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán” mà mở Sổ Cái cho tài khoản cấp hai 5111, 5112, 5113, 6321, 6322, 6323.

#### **3.2.3.2 Về công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.**

✓ **Về công tác doanh thu:** Việc hạch toán doanh thu của công ty chỉ thực hiện vào cuối tháng dựa trên các chứng từ như: Hóa đơn, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan. Điều đó dễ gây ra sự nhầm lẫn trong việc tính toán và bỏ sót các chứng từ, việc bỏ sót này sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến tổng doanh thu của Công ty. Doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu xây dựng, doanh thu từ nạo vét nên việc làm tăng doanh thu của Công ty cũng rất khó khăn.

✓ **Về công tác chi phí:** Mặc dù hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty tăng dần, các chỉ tiêu về doanh thu năm sau đều cao hơn năm trước. Nhưng bên cạnh đó, các khoản chi phí của công ty cũng tăng không kém, các khoản chi ra của công ty chưa phù hợp. Điều này sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận của công ty.

#### **3.2.3.3. Về việc sử dụng phần mềm kế toán:**

Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý. Vì vậy, đôi lúc chưa xử lý nhanh được

các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Để phát huy được tác dụng của máy vi tính trong việc quản lý kế toán và giảm bớt khối lượng của công việc kế toán, công ty nên áp dụng kế toán máy bằng các phần mềm kế toán như: Phần mềm kế toán Misa, Phần mềm kế toán Fast, Phần mềm kế toán Admin

### **3.3, Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ Nạo vét đường biển I.**

#### **3.3.1. Sự tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Trong điều kiện hiện nay, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt. Nhưng đóng vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế, sự thành bại của mỗi doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào công tác kế toán thông qua việc kiểm tra, tính toán, ghi chép và phân loại tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bằng hệ thống phương pháp khoa học của kế toán, chứng từ, đối ứng tài khoản, tổng hợp cân đối có thể biết được thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản và sự vận động của tài sản trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Ngoài ra, các Báo cáo tài chính còn cung cấp các thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính triển vọng, phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong từng thời kỳ. Vì vậy cần phải hoàn thiện công tác kế toán cho thích hợp với yêu cầu quản lý của nền kinh tế thị trường hiện nay. Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải phù hợp với chế độ kế toán hiện hành

Việc hoàn thiện phải được thực hiện từ khâu hạch toán ban đầu đến khâu lập Báo cáo tài chính theo quyết định của Nhà nước. Các bước triển khai quá trình hoàn thiện phải nhất nhất tuân thủ theo một quy định chung và phải phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Có như vậy, quá trình hoàn thiện mới đảm bảo cung cấp hệ thống thông tin kịp thời, chính xác, vừa có tính chi tiết, vừa có tính tổng hợp về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ đó, giúp cho các nhà lãnh đạo kiểm tra, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và đưa ra các biện pháp chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình kinh doanh

Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, đặc điểm tổ chức quản lý và trình độ cán bộ nhân viên kế toán trong đơn vị

Việc hoàn thiện công tác kế toán còn góp phần tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán dễ dàng hơn. Đồng thời giúp những người quan tâm đến doanh nghiệp hiểu rõ hơn về tình hình thực tế của doanh nghiệp

Hoàn thiện công tác kế toán này ngoài hiệu quả đem lại đối với kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nó còn góp phần hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại công ty, giúp cho nhà quản lý có thể lãnh đạo hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn.

### **3.3.2. Mục đích và yêu cầu của việc hoàn thiện.**

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu, giảm chi phí và đạt lợi nhuận cao.

Để đạt được hiệu quả trong hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt.

Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả. Do đó, cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý. Vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kế toán chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp, đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là nhỏ nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

### **3.3.3. Những ý kiến của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét đường biển I.**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy – Lớp QT1101K

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty Nạo vét đường biển I, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, song em hy vọng sẽ đóng góp phần nào đó vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty và giúp công tác kế toán này phù hợp hơn với chế độ quy định.

**Ý kiến 1: Thêm sổ kế toán**

Hiện nay, công ty không lập Sổ Cái cho “Tài khoản tổng hợp 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và “Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán” và các sổ chi tiết 5111, 5112, 5113, 6321, 6322, 6323 mà lập Sổ Cái cho các tài khoản chi tiết.

Công ty nên mở Sổ Cái cho các tài khoản tổng hợp 511, 632 và các sổ chi tiết 5111, 5112, 5113, 6321, 6322, 6323 kết hợp với Sổ tổng hợp doanh thu bán hàng và Sổ tổng hợp giá vốn hàng quý, hàng năm của công ty để công việc đối chiếu, kiểm tra được dễ dàng, số liệu được chính xác, tránh sai sót.

Hiện nay, với sự giúp đỡ của máy vi tính thì mở thêm sổ mới khá dễ dàng.

Vì các tài khoản loại 5 và loại 6 không có số dư, nên có thể mở Sổ chi tiết tài khoản với mẫu sau:

Công ty Nạo vét đường biển I  
Số 33- Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản:

Đối tượng:

Quý...năm...

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số	
	Số hiệu	Ngày tháng			Công trình A	Công trình B
A	B	C	D	H	1	2

			Cộng			

Người ghi số  
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Ví dụ:**

1. Ngày 25/12 công ty hoàn thành công trình cầu tàu Cảng Vật Cách và bàn giao, giá trị công trình là 3.120.064.000 đồng, thuế suất GTGT là 10%, giá vốn công trình là 2 140 350 050 đồng. Chủ đầu tư đã thanh toán 50% số tiền bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản: a, Nợ TK 632: 2.140.350.050

Có TK 154: 2.140.350.050

b, Nợ TK 112: 1.716.035.200

Nợ TK 131: 1.716.035.200

Có TK 5111: 3.120.064.000

Có TK 3331: 312.006.400

Mẫu số: S03b-DNN

Đơn vị: CÔNG TY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Thuế phải nộp nhà nước

Số hiệu TK: 511

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			.....			
20/9	002 15	20/9	Hoàn thành nạo vét ven cảng Đình Vũ	131		202.301.500
12/10						
...			.....			
25/12	003 21	25/12	Hoàn thành bàn giao cầu tàu cảng Vật Cách	112 131		1.560.032.000 1.560.032.000
31/12	003 52	31/12	Hoàn thành Nạo vét cảng Đoạn Xá	112		450.460.000
31/12		31/12	Kết chuyển Doanh thu	911	81.191.173.807	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>81.191.173.807</b>	<b>81.191.173.807</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi số

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

## SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tên đối tượng: 5111- doanh thu xây dựng

Năm: 2010

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐ Ư	Tổng số	
	SH	NT			Công trình Cảng Vật cách	Công trình Cảng Đoạn xá
20/10	00216	20/10	Bàn giao công trình cảng Đoạn Xá	112		1.426.325.358
			...			
25/12	00321	25/12	Bàn giao công trình	112	1.716.035.200	
				131	1.716.035.200	
			.....			
			<b>Tổng Cộng</b>		<b>3.432.070.400</b>	<b>1.426.325.358</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)



**CÔNG TY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I**

33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

**Năm 2010**

**Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán**

Từ ngày 01 /12/ 2010 đến ngày 31/ 12/ 2010

**Đơn vị tính: Đồng**

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		....			.....
00321	25/12	Hoàn thành công trình cầu tàu cảng Vật cách	154	2.140.350.050	
00352	31/12	Hoàn thành Nạo vét ven Cảng Đoạn Xá	154	320.120.000	.....
		Kết chuyển giá vốn sang TK 911	911		82.998.712.181
		....			.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>82.998.712.181</b>	<b>82.998.712.181</b>
		Số dư cuối kỳ			

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31.tháng 12.năm 2010

Tổng giám đốc

**CÔNG TY NẠO VÉT ĐƯỜNG BIỂN I**

33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 632- Giá vốn hàng bán

Tên đồng: 6321- Giá vốn xây dựng

Năm: 2010

Đơn vị tính: **Đồng**

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHT K	Tổng số	
Số hiệu	NT			Công trình Cảng Vật Cách	Công trình Cảng Đoạn Xá
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
		....			....
00216	20/10	Bản giao công trình cảng Đoạn Xá	154		1.012.321.000
00321	25/12	Bản giao công trình cầu tàu cảng Vật cách.	154	2 140 350 050	
		....			.....
		<b>Tổng cộng</b>		<b>2.140.350.050</b>	<b>1.012.321.000</b>

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

Ngày 31.tháng 12.năm 2010  
**Tổng giám đốc**

Công ty Nạo vét đường biển I

Số 33- Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT  
DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Năm 2010

Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền
5111	Doanh thu xây dựng	<b>58.354.621.458</b>
5113	Doanh thu nạo vét	<b>22.836.552.349</b>
<b>511</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>81.191.173.807</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**CÔNG TY NẠO VẾT ĐƯỜNG BIỂN I**

33, ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN, HP

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT  
GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Năm 2010

Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền
6321	Giá vốn xây dựng	60.021.025.301
6322	Giá vốn nạo vét	22.977.686.880
<b>632</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>82.998.712.181</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Ý kiến 2: Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác và thuận tiện hơn.**

Để đảm bảo cho quá trình cập nhật số liệu, cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và giảm bớt đi phần việc của kế toán. Công ty nên áp dụng kế toán máy bằng các phần mềm kế toán như: Phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán Admin, phần mềm kế toán Enter, phần mềm kế toán Fast...

Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể thực hiện tại Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán nhằm giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp, gây mất thời gian, đôi khi còn sai lệch số liệu, giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên, góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu tính toán, tổng hợp một cách đơn điệu, nhàm chán, để họ dành nhiều thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, công ty nên sử dụng kế toán trên máy. Tuy chi phí bỏ ra không phải là nhỏ nhưng theo em nghĩ với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, không lâu nữa tất cả các doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ đều sử dụng hình thức này vì nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho doanh nghiệp.

Trình tự kế toán trên máy vì tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

Việc tổ chức, ghi chép, hạch toán vào sổ kế toán tài chính, kế toán quản trị do máy tính nhận dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào.

Cuối kỳ, các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý và hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng máy sẽ khai báo với máy những yêu cầu cần thiết (Sổ cái, báo cáo doanh thu, báo cáo kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin mà kế toán yêu cầu.

**Ý kiến 3: Công ty cần quan tâm hơn nữa đến việc làm tăng doanh thu.**

Doanh thu có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của công ty. Doanh thu là nguồn

tài chính quan trọng để đảm bảo các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho công ty có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Để làm được điều đó, Công ty Nạo vét đường biển I cần xem xét một số biện pháp sau để có thể làm tăng doanh thu cho công ty:

- Tích cực tìm hiểu, mở rộng thị trường trong nước, duy trì và ổn định thị trường truyền thống đồng thời đẩy mạnh tốc độ nạo vét, sửa chữa cảng biển, thường xuyên nâng cao chất lượng nạo vét, xây dựng... phục vụ khách hàng. Đây là nhân tố quan trọng góp phần làm tăng doanh thu cho công ty.
- Công ty cần nâng cấp thiết bị máy móc thiết bị phục vụ nạo vét, sửa chữa. Có kế hoạch Nạo vét, sửa chữa, xây dựng hợp lý, phù hợp. Như tàu TC51 hiện nay đã khấu hao hết, không còn phù hợp với quá trình nạo vét công ty nên thanh lý, đổi mới tàu để nâng cao hiệu quả công việc.
- Doanh thu phụ thuộc vào khối lượng công việc hoàn thành. Nếu công ty chuẩn bị tốt việc ký hợp đồng với các bên đối tác một cách nhanh chóng, thanh toán dưới nhiều hình thức thích hợp, xác định và giữ vững kỷ luật thanh toán với khách hàng, tính toán chính xác khối lượng công việc hoàn thành..., thì sẽ làm tăng doanh thu cho công ty.

#### **Ý kiến 4: Công ty cần quan tâm đến việc giảm bớt các khoản chi phí.**

Mặc dù doanh thu năm 2010 tăng so với năm 2009, doanh nghiệp kinh doanh bị lỗ. Do vậy, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh hơn nữa, doanh nghiệp cần tiết kiệm tối đa chi phí. Như vậy, để giảm chi phí một cách có hiệu quả để làm tăng lợi nhuận của Công ty thì cần xem xét một số biện pháp sau:

- Thường xuyên đổi mới kỹ thuật, ứng dụng kịp thời các thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật. Tuy nhiên, việc đầu tư đổi mới công nghệ kỹ thuật thường đòi hỏi vốn đầu tư lớn, vì vậy doanh nghiệp phải có những biện pháp cụ thể, phù hợp để huy động, khai thác các nguồn vốn đầu tư cho doanh nghiệp.
- Không ngừng hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động trong doanh nghiệp để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí lao động vật tư, chi phí quản

lý, hạn chế tối đa các thiệt hại tổn thất trong quá trình sản xuất...từ đó có thể tiết kiệm được chi phí một cách đáng kể.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng chi phí.
- Phải lập được kế hoạch chi phí, dùng hình thức tiền tệ tính toán trước mọi chi phí cho sản xuất kinh doanh kỳ kế hoạch; công ty phải xây dựng được ý thức thường xuyên tiết kiệm chi phí để đạt được mục tiêu kinh doanh mà doanh nghiệp đã đề ra.
- Đội ngũ lao động của Công ty luôn gắn liền với quỹ lương của Công ty. Để tiết kiệm khoản chi này, công ty không thể giảm tiền lương mà chỉ có cách là quản lý sử dụng tiết kiệm lao động.

Quản lý lao động gồm nhiều mặt, nhiều nội dung song công ty nên tập trung vào sự hình thành cơ cấu lao động tối ưu: Cơ cấu lao động được coi là tối ưu khi lực lượng lao động đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng và được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các bộ phận và cá nhân với nhau, đảm bảo cho mọi người đều có việc làm.

- Những khoản chi tiêu như: Chi phí giao dịch tiếp khách, hội họp...thường rất khó kiểm tra, kiểm soát và rất dễ bị lạm dụng. Đối với các khoản chi này, công ty cần xây dựng định mức chi tiêu và quy chế quản lý sử dụng cho phù hợp. Các khoản chi phải có chứng từ hợp lệ, phải gắn với kết quả kinh doanh và không được vượt quá mức khống chế tối đa trên tổng chi phí.
- Công ty nên có biện pháp phù hợp để giảm chi phí lãi vay: Chi phí lãi vay là số tiền phải trả cho việc sử dụng vốn và huy động vốn. Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành sản xuất kinh doanh đều cần đến vốn và huy động thêm vốn. Công ty cần tính toán, huy động bằng hình thức nào sao cho chi phí lãi vay là nhỏ nhất.
- Giảm chi phí quản lý doanh nghiệp: Tiến hành sắp xếp bộ máy quản lý gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả sẽ góp phần làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp như: Chi phí tiếp khách, hội nghị...
- Từ thực tế quản lý và sử dụng chi phí kinh doanh, theo định kỳ hoặc hàng năm công ty

cần tiến hành phân tích, đánh giá lại tình hình quản lý, sử dụng chi phí. Từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm và biện pháp phù hợp để có thể tiết kiệm chi phí trong thời gian tới.

## LỜI KẾT

**Công ty Nạo vét đường biển I** là một công ty Nạo vét, xây dựng trực thuộc Tổng công ty Xây dựng đường thuỷ có uy tín lớn ở Hải Phòng nói riêng và thị trường trong nước nói chung, trong năm 2010 vừa qua đã có những biến đổi lớn. Cùng quá trình vận động của đất nước, cùng với sự trỗi dậy của nền sản xuất hàng hoá đất nước, Công ty Nạo vét đường biển I đã có những thành tích tốt.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với kiến thức và sự hiểu biết đã được học tại trường, được sự giúp đỡ, hướng dẫn của Ban lãnh đạo trường Đại học Dân lập Hải Phòng, được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo trong trường, đặc biệt được sự giúp đỡ nhiệt tình của **cô Bùi Thị Chung** - Giảng viên hướng dẫn, cùng với các cán bộ kế toán, nhân viên công ty Nạo vét đường biển I, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu.

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như xin gửi lời cảm ơn đến cô Bùi Thị Chung, đã tận tình chỉ bảo, và đặc biệt cảm ơn tới các cán bộ kế toán của công ty công ty Nạo vét đường biển I đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn, em được học hỏi nhiều hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thuỷ – Lớp QT1101K

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1, Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) – Nhà xuất bản Tài chính.
- 2, Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) – Nhà xuất bản Thống kê.
- 3, Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính TS Nguyễn Văn Công – Nhà xuất bản Tài Chính – Năm 2006.
- 4, Các chuẩn mực kế toán Việt Nam
- 5, Website: [Webketoan.com](http://Webketoan.com)  
Website: [Tapchiketoan.com](http://Tapchiketoan.com).
- 5, Và một số tài liệu sổ sách do Công ty Nạo vét đường biển I cung cấp
- 6, Các bài khóa luận tốt nghiệp năm 2008 của sinh viên trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.



## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<i>STT</i>	<i>Ký hiệu viết tắt</i>	<i>Chữ viết tắt</i>
1	BDS	Bất động sản
2	BHXH	Bảo hiểm xã hội
3	BHYT	Bảo hiểm y tế
4	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
5	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
6	CP	Chi phí
7	HĐ GTGT	Hóa đơn Giá trị gia tăng
8	DT	Doanh thu
9	GV	Giá vốn
10	NTGS	Ngày tháng ghi sổ
11	SHTKĐƯ	Số hiệu tài khoản đối ứng
12	Thuế GTGT	Thuế Giá trị gia tăng
13	Thuế TNDN	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
14	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
15	HĐSXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
16	TK	Tài khoản
17	TSCĐ	Tài sản cố định

